

# KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG KINH SỞ

## QUYỂN 2 (Phần đầu)

### **Phẩm 2: NHƯ LAI THỌ LƯỢNG**

- Phẩm Như lai tuổi thọ lượng chia theo ba môn:

1. Vì sao có phẩm này
2. Giải thích tên gọi.
3. Giải thích câu hỏi.

- Nói về vì sao có phẩm này đại khái có năm phần:

1. Giúp phát sinh hiểu đúng.
2. Giúp đạt được Bồ-đề.
3. Giúp đạt được Niết-bàn.
4. Giúp khởi lên diệu hạnh.
5. Vì cơ cảm.

- *Nói phát sinh hiểu đúng*: từ phẩm này về sau đến phẩm Y Không Mãn Nguyệt là chín phẩm, nói về Chánh tông của kinh, hai phẩm đầu nói về quả, năm phẩm tiếp theo nói về hạnh, hai phẩm sau nói về cảnh. Lại giải thích: Hai phẩm đầu nói chung và riêng về quả, khiến cho vui thích, tiếp đến phẩm Mộng Kiến Sám Hối về sau là muốn khiến cho tu hành, căn bản của sự tu hành không ngoài bỏ ác làm lành.

Hai phẩm Sám Hối và Diệt Chướng là dứt ác, trở về sau là tu thiện. Trong sự tu thiện đầu tiên là tịnh tu các địa.

Kế là phẩm Liên Hoa Dụ Tán là dứt nghi nói về nhân, phẩm Kim Thắng Đà-la-ni khiến cho thấy các Đức Phật khiến hạnh không lui sụt, phẩm Trùng Hiển Không Tánh muốn làm cho hạnh phù hợp với chân, phẩm Y Không Mãn Nguyệt chứng được lý hạnh trọn vẹn. Nay phẩm này chính là nói chung về Bồ-đề, Niết-bàn và nói riêng về Niết-bàn. Nếu đại chúng không nghe Như lai vì đó nói về Bồ-đề, Niết-bàn tức là

không thể nào hiểu đúng, đã không hiểu đúng thì làm sao có thể cầu tu tập thặng quả Bồ-đề, Niết-bàn vô thượng, do đó chỗ này trước hết nói về quả, khiến phát sinh hiểu biết, cho nên văn sau nói: “Vì muốn lợi ích cho chúng sinh này và các hạng ngoại đạo, khiến cho các hạng người ấy sinh ra hiểu đúng”.

- *Khiến đạt được Bồ-đề*: Các Đức Phật ra đời mục đích là muốn cho chúng sinh đạt được quả Bồ-đề, quả đạt được không lường dối, chắc chắn nhờ vào nhân thực hành, nhờ nương vào cảnh phát sinh thực hành mới đạt được vị. Nếu trước tiên không nói về quả thì không thể khiến cho khởi tâm vui mừng, tâm vui mừng đã sinh ra tức là nguyện tu hành, đã khiến cho tu hành thì kế là nói về cảnh. Trước đã kể rõ lý do khiến cho tất cả đều mong mỏi khao khát được nghe kinh. Đức Thế tôn sẽ nói cho đại chúng nghe về Tông, trước là nói về tuổi thọ Như lai, muốn làm cho người nghe chứng được Bồ-đề, cho nên tiếp theo sau nói: “Vì muốn lợi ích cho các chúng sinh và các hạng ngoại đạo, khiến cho các loại như thế phát sinh hiểu đúng, mau chóng thành tựu Vô thượng Bồ-đề”. Vì vậy sau phẩm Tựa có phẩm này phát sinh.

- *Khiến đạt được Niết-bàn*: Ở dưới nói: “Nhưng Đức Như lai đó muốn giúp cho chúng sinh thấy Niết-bàn rồi thì nghĩ là khó gặp v.v...”. Còn trong luận Nhiếp Đại Thừa chép: “Phật vì những người thấy Như lai thường không ưa thích Niết-bàn, mà hiện Niết-bàn khiến cho ưa thích viên tịch”, vì vậy sau phẩm Tựa nói về tuổi thọ của Như lai.

- *Khiến phát khởi diệu hạnh*: Văn sau nói: “Đối với kinh giáo các Đức Thế tôn đã nói, mau chóng nên thọ trì đọc tụng thông thuộc, giải thích cho người nghe, không sinh chê bai, vì thế cho nên Như lai hiện tuổi thọ ngắn ngủi tức là khiến cho phát khởi hạnh”. Vì vậy phát sinh phẩm này.

- *Vì cơ cảm*: Ba mươi hai ngàn vị Thiên tử nghe nói về tuổi thọ đều phát tâm Bồ-đề, là nhờ cơ cảm nên nghe, nghe liền được lợi ích, các lợi ích khác theo đó có thể biết. Nói về giải thích, ba thân của các Đức Phật đều gọi là Như lai. Thọ tức là mạng, Lượng nghĩa là hạn lượng; hoặc nói là lượng độ, tức là giới hạn đo lường mức độ tuổi thọ của Phật, tức là số lượng tuổi thọ của Như lai, hoặc là mức thọ của Như lai, đều là y chủ thích, tức là nhậm vận pháp tánh mà bất động. Tùy theo nguyện duyên mà nối nhau, ứng với căn cơ chúng sinh nên không dứt quãng, thọ đức khó đo lường, tức là nương theo pháp tánh giữ lấy tướng công đức.

Quyết định ngưng trụ sâu xa là mạng căn của Pháp thân. Giống như Phật và cõi, tánh tướng có khác nhau, ở đây lẽ ra cũng phải như

vậy. Hoặc ngay nơi tướng công đức tự bất động nên có thể giữ gìn tự thể gọi là tuổi thọ. Nướng vào cảnh trí chủng tùy thuộc vào đại nguyện chủng lực khiến cho bốn trí phẩm quyết định nói nhau cùng tận các cõi chúng sinh, là tuổi thọ của Báo thân. Từ đại bi chủng lực tùy theo cơ duyên cảm ứng của chúng sinh mà hiện bày thân sắc uẩn có giới hạn nhất định, là tuổi thọ của hai thân Tha Thọ dụng và Biến Hóa. Thể có khả năng giả lập cho nên suy nghĩ cũng thuộc về nguyện, không trái với duy thức, do nghiệp dẫn dắt. Về những câu vặn hỏi.

Hỏi: Phật có ba thân, nay nói tuổi thọ của thân nào?

Đáp: Nói đủ cả ba thân, cho nên Trần-như Lãn Giải nói: “Tánh Pháp thân thường trú, tu hành không khác nhau, thể các Đức Phật cùng đồng, pháp đã nói cũng vậy”, đó là Pháp thân các Đức Phật vô tác, lại cũng vốn là vô sinh, giải thích rằng: Các Đức Phật vô tác là không tạo tác nghiệp phiền não, lại cũng vốn là vô sinh không có phiền não sinh ra. Luận Bát-nhã của ngài Thiên Thân nói về báo Phật thọ lạc rằng: “Lìa xa các lậu và pháp hữu vi”. Lìa xa các lậu tức là vốn vô sinh, và pháp hữu vi chính là vô tác ở đây nói. Hoặc có thể, không gây ra nghiệp hữu lậu, không phát sinh phiền não.

Lại nói: Thể Kim cương của các Đức Phật thích ứng hiện bày nơi Hóa thân tức là Hóa thân, cho nên xuyên suốt cả ba thân Phật.

Hỏi: Ứng hóa và hành pháp do hai nhân chiêu cảm, thấy có điểm đáng nghi; tự tánh chẳng phải do nhân sinh ra, thân tự thọ dụng chẳng phải ngoài cảnh thấy, không nghi ngờ ở điểm đó cần gì phải nói về Thọ?

Đáp: Tự tánh tuy chẳng phải từ nhân sinh ra nhưng do nhân mà chứng; tự thọ dụng thân tuy chẳng phải ngoài cảnh thấy nhưng nói hai là muốn khiến cho kính mến mong cầu, Diệu Tràng nghi ngờ về giả hóa sinh, Phật do đó nói đầy đủ về ba thọ.

Hỏi: Vì sao Đức Thích-ca hiện thân ở cõi này không tự mình nói về thọ mà khiến người khác nói?

Đáp: Chúng sinh nên nghe mới hiểu rõ bốn đức, dứt nghi thù thắng. Nếu chỉ tự mình nói thì người khác chẳng quyết đoán.

Hỏi: Bốn Đức Phật nói về thọ, Diệu Tràng đã hiểu rõ, sao lại nhờ ngài Thích-ca lần lượt nhắc lại?

Đáp: Diệu quả Vô thượng Bồ-đề, Niết-bàn, nếu như không nói nhiều lần thì không thể hiểu rõ được, vì vậy bốn Đức Phật lần lượt nói và ngài Thích-ca nhắc lại, Trần-như lại hỏi, vui mừng thấy càng rõ ràng. Bốn Phật tức là biểu trưng cho bốn đức, ba lần nói tức là ba thân,

y theo nhiều nguyên nhân không chỉ là nói một lần.

Hỏi: Theo văn mà suy xét về lý thì chỉ nói đến Bồ-đề, vì sao ở đây nói cũng trình bày về viên tịch?

Đáp: Y theo kinh này văn sau nói: “Lúc nghe tuổi thọ mọi người được lợi ích”. Còn Diệu Tràng nói: “Tự mình ở trước Phật và bốn Đức Như lai cùng hai Đại Sĩ, các vị Thiên tử nghe nói về tuổi thọ của Đức Thích-ca Mâu-ni Như lai xong bèn đứng dậy khỏi chỗ ngồi bạch rằng: Vì sao trong kinh nói có Niết-bàn và xá-lợi của Phật”. Đây chính là lúc mọi người được lợi ích. Lại nói là nói xong, tức là nói rõ ở trước Phật nghe xong về tuổi thọ rồi, nay lại thưa hỏi thuyết có Niết-bàn. Đức Phật lại trả lời rằng: “Như vậy nên biết có mười pháp, có thể hiểu rõ nghĩa lý chân thật của Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói có rốt ráo đại Nhập Niết-bàn”. Còn theo Luận Kinh Pháp hoa của Bồ-tát Thiên Thân giải thích: “Văn trong phẩm Thọ lượng trước tiên nói về Tuổi thọ để làm rõ Bồ-đề vô thượng, nói thí dụ thầy thuốc để làm rõ Niết-bàn vô thượng. Nay trong kinh này đầu tiên nói về sự sống lâu để làm rõ Bồ-đề. Lại nói thí dụ về cha mẹ, tài vật v.v... để làm rõ Niết-bàn.

Hỏi: Nếu vậy vì sao hai thí dụ khác nhau?

Đáp: Sự việc kia y theo trừ ác cho nên thí dụ thầy thuốc, ở đây dụ cho sinh lên cõi trời cho nên thí dụ là cha mẹ. Lại nữa, thầy thuốc và cha mẹ là thí dụ tuy khác nhau, nhưng thị hiện bất diệt khiến cho sinh lòng kính mến thì ý nghĩa tương tự nhau.

Hỏi: Bốn Đức Như lai ở trong thất của Diệu Tràng nói thì Bấy giờ Khánh Hỷ đang ở núi Thửu Phong, vì sao lúc kiết tập lại nói: “Tôi nghe v.v...”?

Đáp: Theo văn dưới nói: “Bồ-tát Diệu Tràng cùng vô lượng đại chúng đến núi Thửu Phong đánh lễ dưới chân Phật, đem những việc như trên bạch lên Thế tôn”. Vì thế cho nên có thể nói: “Tôi nghe như vậy”.

Hỏi: Trong văn đã có chung riêng khác nhau, vì sao không xếp Niết-bàn vào phẩm riêng như ba thân?

Đáp: Bởi vì văn không nhiều, sự tương như nhau cho nên kết hợp thành một phẩm.

**Văn kinh:** Lúc đó, trong thành lớn Vương xá, có một vị Bồ-tát Ma-ha-tát tên là Diệu Tràng.

**Tán rằng:** Ngay trong phẩm này toàn văn chia làm hai.

1. Nói chung về Bồ-đề, Niết-bàn.

2. “Lúc đó, Bồ-tát Diệu Tràng tự mình đối trước Đức Phật” về sau

là nói riêng về Niết-bàn.

- Văn phần một có năm:

1. Diệu Tràng nghi ngờ tuổi thọ ngắn ngủi của Phật.
2. Các Đức Phật khác nói về mạng thọ vô cùng.
3. Đức Thích-ca tự nói về thường an.
4. Hỷ Kiến lại trở thành bất diệt.
5. Bảy giờ, đại chúng hiểu rõ, đạt được lợi ích thành thật.

- Văn phần một có ba:

1. Nêu ý nghĩ cầu thỉnh người.
2. Nói về cảnh nghi ngờ.
3. Kể lại nguyên nhân nghi ngờ.

- Văn phần một lại có ba:

1. Nói về trú xứ.
2. Nêu ra tên gọi.
3. Sơ lược khen ngợi công đức.

Văn phần thứ hai: Thắng trí rất tuyệt vời, một mình vượt hẳn mọi biểu tượng, giả dụ lập ra tên gọi là Diệu Tràng. Tiếng Phạm là Cù-lô-chỉ-la, Hán dịch là Diệu, Kê-đầu gọi là tràng; Sao Tuệ gọi Tràng, xưa dịch là Tín Tướng. Tướng ấy tiếng Phạm gọi là Da-sắc-trí, nay đã gọi Cù-lô-chỉ-la; vì là Kê-đầu cho nên gọi là Diệu Tràng. Tin tánh là thanh tịnh, diệu nghĩa tương tự như Tràng, là cao hiển, cho nên lầm gọi là Tướng.

**Văn kinh:** Đã ở nơi vô lượng câu-chi na-dữu-đa trăm ngàn Đức Phật quá khứ kính thờ cúng dường, gieo trồng các gốc lành.

**Tán rằng:** Khen ngợi công đức. Câu-chi, theo luận Câu-xá thì: Mười ức là một câu-chi. Theo phẩm Tâm Vương Bồ-tát Văn Tăng-kỳ trong kinh Hoa Nghiêm thì: Vạn muôn là một ức, ức ức là một câu-lê; câu-lê là câu-chi, âm hơi khác mà thôi. Vô lượng là tên số, dùng số vô lượng đếm câu-chi na-dữu-đa. Đích xác mười ngàn là một muôn, trăm ngàn là mười muôn, tức là vô lượng số câu-chi na-dữu-đa ngàn muôn Đức Phật. Nên trong luận Câu-xá cho rằng mười muôn là một ức, luận Đại Trí Độ cho ngàn muôn là một ức, Kinh Hoa Nghiêm cho vạn muôn là một ức. Số này có ba hạng, đó là tiểu, trung, đại. Luận Câu-xá, luận Đại Trí Độ, kinh Hoa Nghiêm như thứ lớp, y vào số tiểu, trung, đại ở đây thì điều này bất định. Thừa sự tức là gần gũi; cúng dường là tu mười cúng dường; gốc lành tức là phước trí; thực nghĩa là gieo trồng.

**Văn kinh:** Lúc đó, Bồ-tát Diệu Tràng ngồi một mình nơi vắng lặng, nghĩ rằng vì nhân duyên gì Đức Thích-ca Mâu-ni Như lai có tuổi

thọ ngắn ngủi chỉ trong tám mươi năm?.

**Tán rằng:** Cảnh nghi ngờ.

**Văn kinh:** Lại nghĩ rằng, dường như Phật đã nói có hai nhân duyên khiến được tuổi thọ lâu dài.

**Tán rằng:** Nói về lý do nghi ngờ, có ba:

1. Nhắc lại nguyên nhân nghi ngờ.
2. Mượn vi tướng thích.
3. Trở thành ý nghi ngờ lúc trước.

Đây là mở đầu.

**Văn kinh:** Sao nói là hai? Một là không hại sinh mạng, hai là giúp thức ăn uống cho người.

**Tán rằng:** Mượn vi tướng thích.

**Văn kinh:** Nhưng Đức Thích-ca Như lai trong vô lượng trăm ngàn muôn ức vô số đại kiếp không hề hại đến sinh mạng, thực hành mười điều lành, thường ban thức ăn uống cho tất cả chúng sinh đói khát, cho chí máu thịt xương tủy thân mình cũng ban cho khiến chúng sinh được no đủ, hưởng là những thức ăn uống khác.

**Tán rằng:** Đây trở thành ý nghi ngờ ở trước. Theo văn kinh này và kinh Niết-bàn, thì Nhân duyên sống lâu, chính là muôn hạnh, cho nên đạt được ba thân. Nhưng nêu ra ban cho thức ăn và không sát sinh, thì thông với ở đây. Vì nhân duyên tuổi thọ của hữu tình nên cố ý nêu hỏi, sợ rằng chúng sinh thấy Phật thọ tám mươi năm lại càng nghi ngờ, không sát sinh và bố thí thức ăn uống chẳng chiêu cảm gì đến sống lâu, muốn khiến cho nương vào thân nuôi lớn đạo, tiếp nhận mọi vật dễ dàng.

**Văn kinh:** Tức thì Bồ-tát kia lúc Thế tôn nghĩ như vậy.

**Tán rằng:** phần Thứ hai là các Đức Phật khác nói về tuổi thọ vô cùng có sáu:

1. Phật khác hiện thân.
2. Diệu Tràng vui mừng thưa hỏi.
3. Đức Phật ấy trả lời.
4. Diệu Tràng hỏi lại.
5. Phật lại nói rõ.
6. Nói xong liền biến mất.

- Đây tức là “Phật khác hiện thân” thứ nhất, văn chia làm tám:

1. Lập tức hiện rõ.
2. Biến ra cõi thanh tịnh.
3. Tòa báu trang nghiêm.

4. Thân Phật cao lớn.
  5. Phát ra ánh sáng chiếu soi cảnh giới.
  6. Ánh sáng hiện bày sự tốt lành.
  7. Ánh sáng lợi ích chúng sinh.
  8. Chỉ bày sơ lược về tổng kết.
- Đây là mở đầu.

Vì Phật nói pháp không có bốn điều sai trái, cho nên ứng vào lúc Bồ-tát nghĩ đến mà hiện bày.

**Văn kinh:** Nhờ uy lực của Phật, ngôi ghat đó bỗng nhiên rộng lớn trang nghiêm thanh tịnh, lưu ly xanh của trời Đế-thích, các thứ chất báu nhiều màu rực rỡ trang sức giống như tịnh độ của Phật, có hương thơm vi diệu hơn hẳn các hương cõi trời, ngào ngạt sức nức.

**Tán rằng:** Hai là biến ra cõi thanh tịnh có bốn:

1. Nêu ra người năng biến.
2. Nói về mức độ của cõi biến.
3. Tướng của cõi sở biến.
4. Nói về hương xông thơm ngát.

Hỏi: Đây là Phật nào biến hiện?

Đáp: Một giải thích là do Phật Thích-ca biến hiện, như kinh Pháp Hoa, muốn hóa Phật nhóm họp nên Phật Thích-ca biến hiện. Có chỗ giải thích là do bốn Đức Phật biến hiện, cũng như Diệu Âm sắp đến cõi này trước tiên hiện bày các thứ hoa hương, tòa ngời v.v... Hai cách giải thích đều đúng. Vì sao? Vì phát ra ánh sáng hiện bày điềm lành khiến sinh lòng yêu thích ở dưới đều là do bốn Đức Như lai. Vì thế biết rằng Tịnh độ cũng là do bốn Đức Phật biến hiện. Nói lưu ly xanh của Đế-thích là thứ báu lưu ly màu xanh của trời Đế-thích, là thứ báu tốt đẹp trong các thứ báu cho nên cố ý nêu ra. Tâm hữu lậu hạn cuộc, tâm vô lậu thông suốt, cho nên rộng lớn thanh tịnh. Do trí vô phân biệt cho nên có lưu ly xanh của trời Đế-thích, thất của Diệu Tràng thanh tịnh giống như tịnh độ của Phật, có đủ năm phần hương, đọc phần văn giải thích có thể biết.

**Văn kinh:** Ở bốn phía đó đều có tòa sư tử tốt đẹp do bốn thứ báu hợp thành, dùng y báu cõi trời mà trải trên đó, lại trên tòa này có hoa sen xinh đẹp các loại quý báu dùng để trang nghiêm đẹp đẽ, lượng bằng với Như lai tự nhiên hiển hiện.

**Tán rằng:** Ba là biến hiện tòa báu có bốn:

1. Thể của tòa bằng bốn thứ báu là biểu thị cho bốn loại chúng sinh đều được thành Phật cho nên dùng bốn thứ báu tạo thành, như nơi

chốn của sư tử đầu đàn.

2. Nói bốn thứ báu đó là: một là vàng; hai là Bạc; ba là pha lưu ly, bốn là pha-chi-ca, biểu thị cho bốn vô úy. Dùng y báu cõi trời các thứ đó là thứ hai nói về sự trang thiết trang hoàng, biểu thị cho tịnh mạng.

3. Lại ở nơi các tòa này là thứ ba nói về sự trang nghiêm, biểu thị ra khỏi sinh tử được hoa bảy giác, châu báu để làm đẹp cũng là sự trang nghiêm của bảy thứ tài sản của bậc Thánh.

4. Vì lượng tòa báu xứng hợp với thân cho nên lượng bằng với Như lai. Không do năng lực của Diệu Tràng nên nói tự nhiên hiển hiện.

**Văn kinh:** Ở trên hoa sen có bốn Đức Như lai, Bất Động Như lai ở phương Đông, Bảo Tướng Như lai ở phương Nam, Vô lượng Thọ Như lai ở phương Tây, Thiên Cổ Âm Như lai ở phương Bắc, bốn Đức Như lai này đều ở nơi tòa đó ngồi kiết già.

**Tán rằng:** Bốn Đức Như lai giáng xuống ngồi trên hoa sen dụ cho pháp thân. Bốn Đức Phật biểu thị cho bốn đức. Vì sao bốn phương mỗi phương đều hiện một vị Phật, biểu thị cho bốn đức phải không?

Đáp: Như trong kinh nói: “Bốn phương dụ cho Sinh, Trụ, Di, Diệt, đây là tướng hữu vi. Bốn đức ngược lại với bốn phương, không Sinh, Trụ, Di, Diệt cho nên bốn phương hiện rõ”.

Hỏi: Trong bốn oai nghi đều có thể nói pháp, vì sao phải hiện tướng ngồi kiết già?

Đáp: Tùy theo sự ưa thích của cơ nghi đó mà hiện bày. Theo luận Du-già ba mươi nói có năm nhân duyên:

1. “Do thân thân nhiếp, thúc liễm mau phát khinh an.
2. Do ngồi yên ổn có thể qua thời gian lâu.
3. Do ngồi yên vui như vậy chính là pháp bất cộng.
4. Do ngồi yên ổn nên hình tướng đoan nghiêm.
5. Do ngồi yên ổn như vậy nên Phật và đệ tử cùng một nơi chốn.”

Theo Đại Trí Độ Luận vì đó là hàng ma, cho nên luận đó nói: “Thấy dáng ngồi kiết già, ma vương tự kinh sợ, huống là người nhập đạo, ngồi thẳng không ngã nghiêng”. Luận Bát-nhã của Vô Trước chép: “Chỉ người ngồi yên lặng, thường biết nói các pháp”. Đây là nghĩa trú định vì thuận theo tướng ngồi, là tỏ rõ khả năng hiểu biết các pháp, khả năng nói về các pháp, cần phải y theo sự đạt định mà đạt định là do ngồi.

**Văn kinh:** Phát ra ánh sáng rực rỡ soi chiếu khắp thành lớn Vương xá và tam thiên đại thiên thế giới này cho đến hàng hà sa các cõi nước



của các Đức Phật khắp mười phương.

**Tán rằng:** Năm là phát ra ánh sáng chiếu soi cảnh giới. Theo luận Già-da Sơn Đảnh Kinh chép: “Phát ra ánh sáng có bảy nghĩa:

1) Khiến cho phát sinh niềm tin thanh tịnh, biết là người thù thắng;  
2) Phá tan tăm tối ngu si buồn lung. Đầy đủ như Pháp Hoa Sớ có nói. Ánh sáng có ba tiết: a) Vương xá; b) Đại thiên; c) Mười phương muốn hiển bày ba thân cho nên hiện rõ ba bậc.

Lại nói về được thấy ba thân lần lượt, vì thế đầu tiên thấy Hóa thân, tiếp đến thấy Ứng thân, sau cùng thấy Pháp thân. Nêu ra hàng hà sa có năm ý của nó, cũng như Pháp Hoa Sớ. Cảnh giới đại thiên số lượng không nhất định, xem trong Du-già Sao.

**Văn kinh:** Các hoa cõi trời tuôn rải như mưa, trỗi các nhạc trời.

**Tán rằng:** Sáu là ánh sáng hiện bày tốt lành. Hoa tuôn rải như mưa có năm nghĩa như Pháp Hoa Sớ, trỗi nhạc biểu thị cho được nghe pháp vui mừng.

**Văn kinh:** Bảy giờ, trong Thiệm Bộ Châu này và tam thiên đại thiên thế giới tất cả chúng sinh nhờ vào uy lực của Phật được vui sướng thắng diệu không hề thiếu kém.

**Tán rằng:** Bảy là ánh sáng lợi ích chúng sinh có hai loại: Đầu tiên được vui sướng, sau đó lìa khổ đau. Đây là mở đầu.

Hỏi: Ánh sáng soi chiếu cõi này, cõi này nhìn thấy ánh sáng đạt được lợi ích cũng đến mười phương, sao mười phương không được lợi ích?

Đáp: Lẽ ra đều được lợi ích, nhưng lược bỏ không nói.

**Văn kinh:** Nếu thân không được đầy đủ đều được đầy đủ, người mù được nhìn thấy, người điếc được nghe rõ, người câm nói được, người ngu được hiểu biết, nếu người tâm tán loạn đạt được tâm định ban đầu, nếu người không có áo mặc sẽ được áo mặc, người bị ác tặc được người khác cung kính, người bị dơ bẩn thì thân được sạch sẽ.

**Tán rằng:** Lìa khổ đau, tuy lúc lìa khổ ngược lại được vui lại nói lìa khổ ở đây; lìa chín khổ, theo văn có thể biết. Theo luận Du-già: “Các Đức Phật Như lai đều phát sinh uy lực thường khiến cho hữu tình thấy được chính là lợi ích”. Nếu thân không đầy đủ nghĩa là thiếu hụt tay chân, hoàng môn hai hình v.v... những quả báo xấu như vậy nhân đó có thể biết. Nhưng luận Đại Trí Độ tám và các kinh Nghiệp Báo Khác nhau v.v... đều có nói rộng.

**Văn kinh:** Tất cả việc lợi ích chưa từng có trên thế gian này thấy đều hiển hiện.

**Tán rằng:** Lược chỉ bày tổng kết.

**Văn kinh:** Bảy giờ, Bồ-tát Diệu Tràng thấy bốn Đức Như lai và sự việc ít có nên vui mừng hơn hởi, chấp tay một lòng chiêm ngưỡng tướng thù thắng của các Đức Phật.

**Tán rằng:** Thứ hai là Diệu Tràng vui vẻ thưa hỏi. Trong đó có hai:

1. Các Đức Phật và hữu tình đều vui.
2. Cầu xin dứt trừ nghi ngờ.

Đây là mở đầu. Hiện bày thanh tịnh ngời trên hoa sen phát ra ánh sáng, lợi ích muôn vật và những sự việc hiếm có. Quán sát tướng đại nhân của bốn Đức Như lai gọi là tướng thù thắng.

**Văn kinh:** Cũng lại suy nghĩ về vô lượng công đức của Đức Thích-ca Mâu-ni Như lai, chỉ đối với tuổi thọ sinh tâm nghi ngờ vì sao Như lai có công đức vô lượng mà tuổi thọ ngắn ngủi chỉ có tám mươi tuổi.

**Tán rằng:** Cầu xin dứt trừ nghi ngờ có hai:

1. Tâm nghi ngờ.
2. Tỉnh cầu.

Tướng tốt đồng với các Đức Phật, tình huống sinh nghi ngờ, tuổi thọ khác với Phật Di-đà v.v... cho nên nói chỉ đối với tuổi thọ sinh tâm nghi ngờ.

**Văn kinh:** Lúc đó, bốn Đức Phật nói với Bồ-tát Diệu Tràng rằng: Nay thiện nam! Nay ông không nên suy nghĩ về tuổi thọ dài ngắn của Như lai. Vì sao? Nay người thiện nam! Chúng ta không thấy các vị trời, thế gian, Phạm ma, Sa-môn, Bà-la-môn, người và phi nhân có khả năng tính biết tuổi thọ của Phật, biết được giới hạn đó.

**Tán rằng:** Thứ ba là Đức Phật đó trả lời, có ba:

1. Lược nêu khó nghĩ suy.
2. Nhóm họp đại chúng để giải thích.
3. Kết thành nhân quả khuyên nhắc đừng sinh tâm nghi ngờ, ba bài tụng sau, đây là mở đầu. Có hai:

1. Người khác không thể đo lường.
2. Chỉ riêng Phật mới biết được. Trong phần một có ba:
  1. Ngừng sự sai trái.
  2. Kết thúc.
  3. Để giải thích.

**Văn kinh:** Chỉ riêng bậc Vô thượng Chánh giác mới biết điều đó.

**Tán rằng:** Chỉ có Phật mới biết được.

**Văn kinh:** Bấy giờ, bốn Đức Như lai muốn nói về tuổi thọ sẵn có của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, nhờ vào uy thần của Phật tất cả các tầng trời cõi Dục, cõi Sắc, các rồng quý thần, Kiên-thát-bà, A-tu-la, Yết-lộ-trà, Khẩn-na-la, Mạc-hô-lạc-già cùng vô lượng trăm ngàn ức na-dữu-đa Bồ-tát Ma-ha-tát đều đến nhóm họp đồng đủ vào trong thất tịnh Diệu của Bồ-tát Diệu Tràng.

**Tán rằng:** Nhóm họp đại chúng để giải thích. Trước tiên nhóm họp đại chúng, sau đó mới nói. Nhóm họp đại chúng ở đây, trước đó tuy nêu ra có tám bộ chúng nhưng có chúng đến, có chúng không đến. Nay nhân Phật phát ra ánh sáng cộng thêm uy lực kêu gọi mới có thể nhóm họp đầy đủ.

Hỏi: Kinh khác phát ra ánh sáng, chúng đều lập tức nhóm họp, vì sao chúng ở đây gặp ánh sáng không đến?

Đáp: Đến, có trước sau, tuy gặp ánh sáng soi chiếu ban đầu không thể đến được, nhân đó Phật lại tăng thêm mới bắt đầu có thể đến, hoặc uy lực của Phật chính là ánh sáng vậy gọi.

**Văn kinh:** Bấy giờ, bốn Đức Phật ở trước đại chúng muốn hiển bày tuổi thọ sẵn có của Đức Thích-ca Mâu-ni Như lai nên nói tụng rằng.

**Tán rằng:** Để giải thích có hai:

1. Nói tựa kết tập.
2. Phật vì đó nói cho đại chúng nghe.

Đây là mở đầu.

**Văn kinh:** Với nước trong tất cả các biển thì có thể biết được số giọt, nhưng không ai có thể đếm biết tuổi thọ của Đức Thích-ca. Chia chẻ các núi Diệu Cao thành những hạt cải cũng có thể biết được số lượng hạt cải đó, nhưng không ai có thể đếm biết tuổi thọ của Đức Thích-ca. Đất tất cả mặt đất cũng có thể biết được số hạt bụi của nó, nhưng không ai có thể đếm biết tuổi thọ của Đức Thích-ca.

Dù cho đo lường hư không có thể cùng tận được bờ mé, nhưng không có ai đếm biết được tuổi thọ của Đức Thích-ca.

**Tán rằng:** Phật nói cho người đó nghe, chia làm hai: Bốn bài đầu là phần thí dụ, thứ năm một bài là phần tính toán. Trong bốn bài thí dụ, tương truyền có hai cách giải thích: Một nói rằng: “Bốn bài như dưới đây hiển bày bốn đức thường lạc ngã tịnh, như lần lượt có thể dứt bỏ bốn chướng bất tín, chấp ngã, sợ khổ, bỏ tâm. Một nói rằng: “Dùng bốn thân Phật để hiển bày tuổi thọ, đó là Hóa thân, Ứng thân, vừa Ứng vừa Hóa, chẳng phải Ứng chẳng phải Hóa.

Như thứ lớp là dụ cho Hóa thân ẩn đây hiện kia, cho nên lấy nước làm thí dụ, Hóa thân nường vào Ứng thân mà hiện rõ như nước chảy ra khỏi núi, cho nên lấy núi làm thí dụ; toàn câu tự thọ dụng như mặt đất là nơi nường vào của núi và nước; câu thứ tư dụ cho pháp, vì không có hình tướng.

**Văn kinh:** Nếu người trụ ức kiếp, ra sức thường tính đếm, lại cũng không thể biết, tuổi thọ của Thế tôn.

**Tán rằng:** Là phần tính toán.

**Văn kinh:** Không hại mạng chúng sinh, ban cho thức ăn uống, do hai thứ nhân này, được tuổi thọ lâu dài, cho nên Đấng Đại Giác, tuổi thọ khó đếm biết, như kiếp không giới hạn, tuổi thọ cũng như vậy.

**Tán rằng:** Kết thành nhân quả, khuyên nhắc đừng sinh nghi ngờ. Hai bài tụng này kết thành hai nhân, chiêu cảm quả sống lâu.

**Văn kinh:** Diệu Tràng ông nên biết, không nên sinh nghi ngờ, tối thắng thọ vô lượng, không ai đếm biết được.

**Tán rằng:** Khuyên nhắc đừng sinh nghi ngờ.

**Văn kinh:** Bảy giờ, Bồ-tát Diệu Tràng nghe bốn Đức Như lai nói về tuổi thọ vô hạn của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nên bạch với Thế tôn rằng: Vì sao Như lai thị hiện tuổi thọ ngắn ngủi như thế?

**Tán rằng:** Thứ tư là Diệu Tràng lại thưa hỏi: Thật ra tuổi thọ dài lâu của Phật con đã hiểu sơ qua, có lý do gì mà Ngài hiện bày tuổi thọ ngắn ngủi như vậy? Trước đó chỉ trả lời là lâu dài, nhưng chưa giải thích lý do tuổi thọ ngắn ngủi, vì thế nay lại thưa hỏi. Theo Du-già quyển tám mươi mốt chép: “Giải thích vạn hỏi, nếu tự mình hoặc người khác vạn hỏi đều nên giải thích”. Nên biết rằng vạn hỏi này sơ lược do năm tướng:

1. Vì chưa hiểu rõ nghĩa nên được hiểu rõ ràng, như nói văn này có nghĩa gì?
2. Vì lời trái nhau, như nói vì sao trước đây nói khác.
3. Vì đạo lý trái nhau, như có nghĩa hiển bày trái với bốn đạo lý.
4. Vì không quyết định hiển bày, như nói vì sao đối với một loại nghĩa lại hiển bày nhiều loại dị môn khác nhau.
5. Vì rốt ráo chẳng đúng lý hiện đang thấy, như nói trong ta có thể tánh gì, có sắc tướng gì mà nói là thường hằng v.v...

Đối với năm thứ vạn hỏi này không thuận theo, lần lượt cần phải giải thích, nghĩa là đối với vạn hỏi không hiểu rõ nghĩa nên phương tiện hiển bày rõ ràng, đối với vạn hỏi lời nói trái nhau nên hiển bày ý thì thuận theo thông suốt. Như vậy đối với vạn hỏi không quyết định hiển

bày, đối với vận hỏi rất ráo chẳng đúng lý hiện đang thấy, nên biết rằng cũng thế. Đối với vận hỏi trái với đạo lý, hoặc dùng ngu giáo mà phán quyết; ý này không hiểu rõ, nương vào Tiểu thừa mà nói gọi là Ngu giáo.

Hoặc y theo đạo lý, hoặc vì đó tăng phần quả, hoặc vì đó tăng phần nhân, ý ở đây là hoặc tùy chuyển, hoặc phương tiện, vì dứt ác làm lành, tất cả nhân quả nói có trái ngược, nhưng lý thật không trái. Nhưng vận hỏi tuy có năm thứ, theo Du-già giải thích trong mỗi vận hỏi đều có năm ý:

1. Vì không hiểu.
2. Vì nghi ngờ.
3. Vì thử nghiệm.
4. Vì khinh xúc.
5. Vì lợi lạc.

Nay trong năm vận hỏi là vận hỏi vì lời nói trái nhau, Đức Thích-ca nói là ngăn ngủi, bốn Đức Phật nói là dài lâu. Có sự trái này nên nêu ra để vận hỏi. Trong năm ý, đây là ý lợi ích cho nên hỏi.

**Văn kinh:** Lúc đó, bốn Đức Thế tôn bảo với Bồ-tát Diệu Tràng rằng: Này người thiện nam! Lúc Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đó xuất hiện nơi cõi có năm thứ vấn đực.

**Tán rằng:** Thứ năm là Đức Phật đó nói rộng ra. Văn chia làm ba:

1. Tiêu.
2. Thích.
3. Thành.

“Này người thiện nam! Các Như lai này” trở xuống là phần đầu. Trong đó nêu ba thứ:

1. Nêu hiện thời đoản thọ.
2. Nêu nguyên nhân hiện bày ngăn ngủi.
3. Kết thúc nêu đoản thọ.

Đây là nêu ra Thời. Ý nghĩa của năm thứ vấn đực như Pháp Hoa Sở có giải thích, cũng chính là nêu chung về năm thứ vấn đực.

**Văn kinh:** Người sống trăm tuổi, bảm tánh thấp kém, gốc lành ít ỏi lại không tin hiểu.

**Tán rằng:** Nêu nguyên nhân hiện bày ngăn ngủi. Nguyên nhân có hai:

1. Là diệt ác, tức là xả bỏ sinh tử.
2. Là sinh thiện, tức khiến đạt được Bồ-đề.

Ở đây là diệt ác, cũng giải thích riêng về năm thứ vẫn đục, vẫn đục có năm thứ, trong này nêu ra bốn:

1. Mạng trước, đó là người sống trăm tuổi.
2. Vẫn đục về Hữu tình .

Trong hữu tình trước có ba: Một là ý vui không rộng lớn, đó là bảm tánh thấp kém; hai là vốn không có phước tuệ, đó là gốc lành ít ỏi, ba là có nhiều u mê ngu muội, đó là không tin hiểu.

**Văn kinh:** Các chúng sinh này có nhiều ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh, thọ giả, nuôi lớn các tà kiến, ngã, ngã sở kiến, đoạn kiến, thường kiến v.v....

**Tán rằng:** Đây là kiến trước. Trong các kinh luận đã nói về ngã kiến có nhiều thứ khác nhau, như Thành Duy Thức Nghĩa Đăng có nói rộng, nay chỉ dựa vào văn giải thích sơ lược. Nói về ngã trong Du-già quyển tám mươi ba gồm có tám thứ, ở đây chỉ nêu ra năm thứ.

1. Luận Ngã Kiến chép: “Y theo năm thủ uẩn, ngã, ngã sở kiến, hiện tiền lưu hành”. Nay văn này đã nói riêng về ngã, ngã sở kiến, tức là chung riêng khác nhau; Du-già y theo chung, ở đây gồm cả chung, riêng. Ở đây nói ngã kiến tức là Vô ngã, ngã sở. Nhân kiến tức là hữu tình kiến, nghĩa là các bậc thánh hiền biết rõ ràng như thật chỉ có pháp này không có pháp nào khác; lại vì có ái trước.

Chúng sinh kiến tức là Sác thủ thú kiến, nghĩa là thường thường hưởng đến các đường, không hề biết thỏa mãn. Hai thứ này theo La-thập dịch gọi là ngã nhân, chúng sinh, thọ giả kiến, tức trong Du-già gọi là mạng giả, nghĩa là chính thọ hòa hợp hiện tại còn hoạt động cho nên gọi là mạng. Theo luận Bát-nhã của Bồ-tát Thiên Thân chép: Ngã chúng sinh mạng giả, giải thích rằng: Thấy năm uẩn khác nhau, mỗi mỗi ấm là ngã, như thế vọng giữ lấy gọi là ngã kiến. Ý này tính chung ba đời năm uẩn khác nhau là ngã kiến, thân nối nhau không xen hở gọi là chúng sinh. Ở đây tính năm uẩn từ trước đến nay nối nhau không xen hở cho nên gọi là chúng sinh. Một báo mạng căn không ngừng an trụ, là mạng. Ở đây chấp hiện tại đang có mạng, sau khi mạng căn chấm dứt sinh vào sáu đường, đó gọi là thọ. Ở đây thấy vị lai sinh thọ lại khởi lên. Đây là y theo năm uẩn chung riêng khác nhau.

Dưỡng dục tức là nuôi sống hiện tại, có thể được sĩ phu sử dụng, lại có thể thêm lớn sự nghiệp sau này. Tà kiến tức là tà kiến trong năm kiến, ngã, ngã sở kiến nghĩa là dựa vào năm uẩn khởi lên mười lăm kiến v.v... Đoạn kiến, thường kiến chính là biên kiến. Đoạn là bẫy đoạn diệt, thường là bốn biến thường v.v... lại nói Đẳng là đẳng thủ kiến,

giới thủ kiến và tùy phiền não. Lược bỏ không có kiếp trước, bởi vì ngoại cảnh chẳng phải là cảnh sở hóa, chẳng phải ác thể cho nên lược bỏ không nêu.

**Văn kinh:** Vì muốn làm lợi ích cho các loài chúng sinh này và các ngoại đạo, giúp các loài như thế sinh khởi hiểu đúng, mau đạt được sự thành tựu Bồ-đề vô thượng.

**Tán rằng:** Vì muốn giúp cho sinh thiện, đạt được Bồ-đề. Dị sinh, ngoại đạo tức là vì người, phân biệt với các chúng Đại Bồ-tát nhập địa, từ Sơ địa trở lên lại thấy là dài lâu, chẳng phải không hiện diệt.

**Văn kinh:** Cho nên Đức Thích-ca Mâu-ni Như lai thị hiện tuổi thọ ngắn ngủi như vậy.

**Tán rằng:** Kết thúc nêu lên đoán thọ.

**Văn kinh:** Nay người thiện nam! Nhưng Đức Như lai đó muốn làm cho chúng sinh thấy Niết-bàn rồi sinh ý tưởng khó gặp, ý tưởng lo buồn khổ sở v.v...

**Tán rằng:** Dưới đây là phần thứ hai giải thích. Văn chia làm ba:

1. Pháp thuyết.
2. Dụ hợp.
3. Kết thuyết.

- Đầu tiên trong pháp thuyết lại chia làm năm:

1. Giải thích.
2. Giả trưng.
3. Vị thông.
4. Hỏi vặn lại.
5. Giải nạn.

- Ở đây giải thích có ba:

1. Khiến đối với Phật khởi tâm mong mỏi kính mến.
2. Khiến đối với pháp sinh ý nghĩ tu tập.
3. Khúc kết.

Đây là mở đầu. Do đó kinh Pháp Hoa chép: “Nếu Ta an trú lâu dài chúng sinh không thể sinh ra ý tưởng khó gặp, khởi lên các tâm khát khao”. Ý đồng với ở đây. Nhưng hiện Niết-bàn theo Đại Bát-nhã Tối Thắng Thiên Vương Hội có một nhân, “Vì các hữu tình thích nghe viên tịch cho nên hiện Niết-bàn”. Luận Pháp Hoa chép: “Vì dứt trừ, đối với Đại thừa không nhóm hợp gốc lành khởi tăng thượng mạn, vì đối trị nên nói thí dụ về thầy thuốc này”. Thị hiện Như lai Nhập Niết-bàn lượng, trong Nhiếp Luận của ngài Vô Tánh nói có sáu nguyên nhân, Như lai hóa thân không trụ nơi rốt ráo, đầy đủ như luận ấy giải thích rõ. Theo

kinh Pháp Hoa chép: “Phật sự tốt ráo đã có mười nghĩa, thị hiện đại Niết-bàn:

1. Nói tất cả hành đều là vô thường.
2. Nói tất cả hữu vi chẳng phải an ổn.
3. Nói hướng đến Niết-bàn là an ổn nhất.
4. Nói Niết-bàn xa lìa tất cả sự sợ hãi.
5. Vì các trời người say đắm sắc thân mà nói sắc thân là vô thường, là pháp hoại diệt, khiến cho tất cả cầu pháp thân thanh tịnh, chỗ này thích hợp với nghĩa thứ hai trong Nhiếp Luận.
6. Nói sức mạnh của Vô thường không thể nào chuyển đổi.
7. Nói pháp hữu vi không tự tại.
8. Nói pháp trong ba cõi đều giống như đồ vật hư hoại, không vững chắc.
9. Nói Nhập Niết-bàn là chân thật nhất, không thể hư hoại.
10. Nói Nhập Niết-bàn xa lìa sinh tử, không còn sinh diệt”.

Dùng mười nghĩa này để thị hiện Niết-bàn. Nay văn kinh này tóm lại có:

1. Khiến phát sinh hiểu đúng.
2. Mau chóng được thành tựu Vô thượng Bồ-đề.
3. Khiến cho thấy diệt độ rồi đối với các Đức Phật khởi lên ý tưởng khó gặp.
4. Khiến đối với lời Phật dạy mau chóng tu hành. Tức là văn nêu ở trước và văn giải thích này có đủ bốn nghĩa như vậy, cũng là vì khiến cho gieo trồng các gốc lành khởi tu tin hiểu, dứt bỏ tà kiến.
5. Lưu lại xương cốt xá-lợi khiến chúng sinh cúng dường được các phước đức, tức là ở sau Trần-như thỉnh xá-lợi Phật, cho đến cuối kinh Phật trả lời Diệu Tràng rằng: “Hoặc lúc thấy có người Nhập Niết-bàn, đó là phước tiện quyền biến, và để lại xá-lợi khiến cho các hữu tình cung kính cúng dường. Hoặc người cúng dường ở đời vị lai xa lìa tám nạn, được kính thờ các Đức Phật, gặp các bậc Thiện tri thức, không mất tâm lành, phước báo vô cùng”.
6. Khiến cho hữu tình chứng được viên tịch, tức sau cuối nói: “Mau được ra khỏi, không bị sự ràng buộc của sinh tử”. Ở đây, theo Nhiếp Đại Thừa cũng vì người ưa thích thường, không mong cầu viên tịch mà thị hiện Niết-bàn.

**Văn kinh:** Đối với kinh giáo của Phật Thế tôn nói hãy mau chóng thọ trì đọc tụng thông thuộc, giải thích cho người nghe, không sinh chê bai.



**Tán rằng:** Hai là khiến đối với pháp khởi lên ý nghĩ tu tập có mười pháp hành, ở đây lược nêu bốn thứ:

1. Thọ trì.
2. Mở đọc.
3. Tụng tán.
4. Giảng nói.

Đầu tiên là ba hạnh tự lợi, sau đó là một hạnh lợi tha, phỏng theo hiển bày các hạnh khác. Trong mười pháp hành mỗi pháp đều có bốn, đó là tự tác v.v... Ở đây nói không chê bai tức là phát sinh vui theo, đối với kinh giáo Phật đã nói sinh tâm vui theo là nói nơi người trì tụng cũng phát sinh vui theo mà không chê bai, tạm thời nêu ra các hạnh để hành.

**Văn kinh:** Cho nên Như lai hiện bày đoản thọ.

**Tán rằng:** Kết thúc hai phần.

**Văn kinh:** Vì sao?.

**Tán rằng:** Giả trưng. Vì sao thấy Đức Phật Niết-bàn lại sinh ra ý tưởng khó gặp, khởi tâm trì pháp, v.v...

**Văn kinh:** Các chúng sinh kia nếu thấy Như lai không Nhập Niết-bàn thì không sinh ý tưởng cung kính khó gặp.

**Tán rằng:** Ba là thông suốt. Đây là sinh ra ý nghĩ khó gặp.

**Văn kinh:** Kinh điển sâu xa Như lai đã nói cũng không thọ trì đọc tụng thông suốt, không giảng nói cho người nghe.

**Tán rằng:** Đây là chung khởi tâm trì pháp.

**Văn kinh:** Vì sao?.

**Tán rằng:** Bốn là vắn hỏi. Nếu thấy Như lai không nhập Niết-bàn, không khởi ý tưởng khó gặp và trì pháp. Lý do là vì như thế.

**Văn kinh:** Vì thường thấy Phật nên không tôn trọng.

**Tán rằng:** Đây là giải thích lời vắn hỏi. Nếu thấy Phật diệt độ sợ rằng không còn gặp nên sinh ý tưởng khó gặp. Đã thấy an trụ lâu dài thì cho rằng thường tồn tại, không sinh ý tưởng hiếm có khó gặp, tâm muốn cúng dường nên không tôn trọng đối với Phật, đã không tôn trọng đối với pháp đã nói, cũng không gọi là mong mỏi được nghe, vì thế không tu hành.

**Văn kinh:** Nay người thiện nam! Giống như có người thấy cha mẹ họ có nhiều tài sản châu báu đầy đủ liền đối với tài sản đó không sinh ý tưởng hiếm có khó được.

**Tán rằng:** Hai là dụ hợp, có hai:

1. Dụ cho an trụ lâu dài không mừng.

## 2. Dụ cho thấy diệt độ yêu quý.

Trong phần một có hai: 1) Dụ; 2) Hợp. Trong phần một là Dụ có ba: Đầu là Dụ; tiếp theo là Trưng, sau cùng Giải thích. Người dụ cho dị sinh ngoại đạo, cha mẹ dụ cho Phật. Vì có khả năng sinh ra và lớn lên thân phước trí nên có nhiều tài sản, dụ cho Phật an trụ lâu dài pháp tài đầy đủ nên không thể sinh ra ý tưởng khó gặp. Theo văn chỉ đối với pháp không thể sinh ra ý tưởng khó gặp, thật ra làm hiển bày Phật. Do đó, trong hợp ở dưới là riêng hợp với Phật. Trong giải thích có cả hai.

**Văn kinh:** Vì sao? Tán rằng: nêu ra.

**Văn kinh:** Vì đối với tài vật của cha mẹ sinh ra ý tưởng thường còn.

**Tán rằng:** Giải thích. Nên cho rằng cha mẹ thường còn, đối với tài vật của cha mẹ sinh ý tưởng thường còn. Hai nghĩa kết hợp rõ ràng. Hoặc do thí dụ trước đây chỉ dụ cho đối với tài vật không sinh ý tưởng khó gặp. Nay cũng nêu ra và giải thích đối với tài vật.

**Văn kinh:** Nay người thiện nam! Các chúng sinh kia cũng giống như vậy, nếu thấy Như lai không nhập Niết-bàn thì không sinh ý tưởng hiếm có khó gặp. Vì sao? Vì thường thấy.

**Tán rằng:** Hợp. Văn cũng có ba: đầu là Hợp; tiếp theo là nêu ra; sau cùng là giải thích. Ba văn khác nhau.

**Văn kinh:** Nay người thiện nam! Thí như có người cha mẹ nghèo khổ, tiền của thiếu hụt.

**Tán rằng:** Thấy diệt độ nên yêu quý, văn dụ có hai, như trước. Văn dụ có năm:

1. Dụ Phật thị hiện diệt độ.
2. Dụ kính Phật khó gặp.
3. Dụ quý pháp cầu học.
4. Nêu ra.
5. Giải thích.

Đây là mở đầu.

**Văn kinh:** Nhưng người nghèo khó kia hoặc vào nhà vua, hoặc nhà quan lớn thấy kho tàng của họ các loại châu báu tài vật thấy đều đầy đủ nên sinh tâm hiếm có nghĩ rằng khó gặp.

**Tán rằng:** không có sự cứu giúp che chở này cho nên khởi tâm yêu quý mong cầu, đây chính là dụ cho kính Phật khó gặp. Nói “nhưng người nghèo khó” kia là dụ cho chúng sinh ngoại đạo, tâm của họ kém cõi, gốc lành mỏng manh. “Hoặc vào nhà vua” là dụ cho giác ngộ mới đối với Thế tôn khởi ý tưởng khó gặp, cho nên như vị vua chúa. “Hoặc

nhà quan lớn” là giống như Đại Bồ-tát, tuổi thọ cũng lâu dài vì chúng sinh hiện bày nhân ngăn ngừa cũng giác ngộ.

**Văn kinh:** Bảy giờ, người nghèo khó kia vì muốn cầu tài vật nên lập ra nhiều phương tiện siêng năng không lười biếng.

**Tán rằng:** Dụ cho yêu quý pháp cầu tu học.

**Văn kinh:** Vì sao? Vì lìa bỏ nghèo khó, được vui sướng.

**Tán rằng:** kinh nêu ra có thể biết.

**Văn kinh:** Nay người thiện nam! Các chúng sinh đó cũng giống như vậy, nếu thấy Như lai nhập Niết-bàn nên sinh ý tưởng khó gặp, cho đến các tướng buồn rầu đau khổ.

**Tán rằng:** Đây là hợp. Hợp này dụ cho Phật thị hiện diệt độ.

**Văn kinh:** Lại nghĩ rằng: Trong vô lượng kiếp các Đức Như lai xuất hiện ra nơi thế gian như lúc hoa Ưu-đàm-bát vừa xuất hiện thì các chúng sinh đó phát tâm ít có khởi lên ý tưởng khó gặp, giống như thấy Như lai tâm sinh ra cung kính tin tưởng.

**Tán rằng:** Kết hợp dụ cho kính Phật, khó gặp. Văn có ba phần, đó là pháp, dụ, hợp.

**Văn kinh:** Nghe nói đến chánh pháp sinh ý tưởng thật ngỡ, tất cả kinh điển thấy đều thọ trì không sinh chê bai.

**Tán rằng:** Kết hợp dụ cho yêu quý pháp cầu tu học.

**Văn kinh:** Nay người thiện nam! Vì nhân duyên này nên Đức Phật đó không an trụ lâu dài ở thế gian mà mau chóng nhập Niết-bàn.

**Tán rằng:** Kết thúc dụ.

**Văn kinh:** Nay người thiện nam! Các Đức Như lai đó dùng những phương tiện khéo léo như vậy để thành tựu chúng sinh.

**Tán rằng:** Cuối cùng thành tựu.

**Văn kinh:** Bảy giờ, bốn Đức Phật nói lời này xong, bỗng nhiên biến mất.

**Tán rằng:** Thứ sáu là nói xong biến mất. Trên là nói chung về các Đức Phật cõi khác nói về tuổi thọ vô cùng.

**Văn kinh:** Lúc đó, Bồ-tát Diệu Tràng cùng vô lượng trăm ngàn vị Bồ-tát và vô lượng ức na-dữu-đa trăm ngàn chúng sinh đều cùng nhau đến chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trong núi Thấu Phong, đánh lễ dưới chân Phật, rồi đứng về một phía.

**Tán rằng:** Đức Thích-ca tự nói về sự thường an ổn. Đoạn văn này có bốn phần:

1. Diệu tràng đến.
2. Bạch Phật điều đã nghe.

3. Bốn Đức Phật đề nghị nói rõ.

4. Đức Thích-ca vì đó nói.

Đây là mở đầu.

**Văn kinh:** Lúc đó, Bồ-tát Diệu Tràng đem mọi chuyện như trên bạch lên Đức Thế tôn.

**Tán rằng:** Bạch lại điều đã nghe.

**Văn kinh:** Lúc đó, bốn Đức Phật cũng đến núi Thứu Phong, chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni cư trú và đều tùy theo phương của mình đến tòa mà ngồi.

**Tán rằng:** Bốn Đức Phật đề nghị nói rõ. Văn chia làm ba:

1. Bốn Đức Phật đều đến.

2. Sai sử trình bày.

3. Thị giả truyền lệnh.

Đây chính là mở đầu.

Hỏi: Bốn Đức Phật sắp đến, nơi thất của Diệu Tràng bỗng nhiên trở thành chỗ ngồi, đến núi Thứu Phong không nói rời chỗ ngồi, bốn Đức Phật an tọa như thế nào?

Đáp: Trong này phải là Đức Thích-ca biến hóa tòa báu, văn lược bỏ không nói.

Hỏi: Vì sao đến trong thất của Diệu Tràng, bốn Đức Phật tự biến hiện; đến nơi núi Linh Thứu thì Đức Thích-ca biến hiện?

Đáp: Người dưới không ngờ người trên đến, cho nên bốn Đức Phật tự biến hiện; Đức Thích-ca có thể biết các Đức Phật đến cho nên biến hiện tòa báu an tọa.

**Văn kinh:** Bảo thị giả Bồ-tát rằng: Nay người thiện nam! Nay ông có thể đến chỗ Đức Thích-ca Mâu-ni hỏi thăm giúp ta rằng, ngài ít bệnh ít lo, cuộc sống thanh thản an vui lợi ích hay không?.

**Tán rằng:** Phần hai, sai thị giả hỏi thăm, có ba:

1. Hỏi chung.

2. Thưa hỏi.

3. Vui theo.

Đây là mở đầu.

**Văn kinh:** Lại nói như vậy: Hay thay! Hay thay! Đức Phật Thích-ca Mâu-ni bây giờ hãy giảng nói về pháp yếu sâu xa của kinh Kim Quang Minh để làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, trừ bỏ mất mùa đói kém, khiến cho được yên ổn vui sướng, ta sẽ vui theo.

**Tán rằng:** Thưa hỏi vui theo.

**Văn kinh:** Bây giờ, các vị thị giả ấy đều đến chỗ Đức Phật Thích-

ca Mâu-ni đánh lễ dưới chân Phật rồi lùi lại đứng về một phía, đồng bạch Phật rằng: Đấng Thiên Nhân Sư đó gọi lời thăm hỏi Đức Vô Lượng ít bệnh ít lo, cuộc sống có thanh thản an vui lợi ích hay không, lại nói như vậy: Hay thay! Hay thay! Đức Phật Thích-ca Mâu-ni bây giờ Ngài hãy giảng nói về pháp yếu sâu xa của kinh Kim Quang Minh, vì muốn lợi ích cho tất cả chúng sinh, trừ bỏ mất mùa đói kém, khiến cho được yên ổn vui sướng.

**Tán rằng:** Sứ giả truyền lệnh.

**Văn kinh:** Bảy giờ, Đức Thích-ca Mâu-ni Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác bảo với các vị Bồ-tát thị giả đó rằng: Hay thay! Hay thay! Bốn Đức Như lai đó mới có thể vì các chúng sinh được nhiều lợi ích an vui khuyến khích đề nghị ta giảng nói chánh pháp.

**Tán rằng:** Đức Thích-ca vì đó nói, văn chia làm hai mục:

1. Khen ngợi.
2. Nói rõ.

Đây là khen ngợi.

**Văn kinh:** Lúc đó, Đức Thế tôn liền nói rằng: Ta thường ở Thứu Sơn, giảng nói kinh này, vì thành tựu chúng sinh, thị hiện nhập Niết-bàn.

**Tán rằng:** Tiếp theo là nói rõ, văn chia làm hai mục: Hai câu trước nói về Pháp thân, Báo thân thường trụ, dùng Báo thân để hiển bày Pháp thân; trong cõi Báo thân, Pháp thân ở Linh Sơn không trú xứ cố định mà thị hiện. Hai câu sau hiện bày Hóa thân diệt độ.

**Văn kinh:** Phạm phu khởi lên tà kiến không tin lời ta nói là vì thành tựu điều đó cho nên thị hiện nhập Niết-bàn.

**Tán rằng:** Một bài sau lại nói về thành tựu hóa thân diệt độ, vốn vì chúng sinh lựa chọn Đại Bồ-tát.

**Văn kinh:** Lúc đó, trong đại chúng có vị Bà-la-môn họ Kiều-trần-như là Pháp sư thọ ký cùng với vô lượng trăm ngàn Bà-la-môn chúng cúng dường Đức Phật xong.

**Tán rằng:** Thứ tư là Hỷ Kiến nhắc lại thành tựu bất diệt, văn chia làm tám mục:

1. Trần-như nhờ dấu tích cầu nguyện.
2. Như lai phương tiện lặng lẽ.
3. Phật thêm vào Hỷ Kiến khiến nêu ra.
4. Trần-như trả lời thỉnh cầu xá-lợi.
5. Hỷ Kiến riêng bày tu phước.
6. Trần-như lại cố thỉnh cầu.

7. Hỷ Kiến không trả lời được.

8. Trần-như hiểu nghĩa thường trụ.

Trong này, người hỏi đáp và pháp đã nói giống như kinh Đại Phương Đẳng Vô Tướng Đại Vân quyển bốn.

Kinh ấy người năng thỉnh tên là Thiện Đức, người năng đáp là Nhất Thiết Chúng Sinh Lạc Kiến, đồng thời nói túc duyên đời sau thấy biết danh tự xưa nay, vì vậy kinh đó nói: “Bấy giờ, Thiện Đức thỉnh nguyện, Thế tôn không trả lời. Lúc đó trong đại chúng có vị Ly-xa Tử, tên là Nhất Thiết Chúng Sinh Lạc Kiến, nói với Thiện Đức rằng: Như lai im lặng không hứa gì, nay ta sẽ trả đáp, tùy theo thắc mắc cứ hỏi.

Hỏi: Nếu có thể cúng dường xá-lợi Như lai nhỏ như hạt cải thì phước báo có thể bằng người đứng đầu trời Đao-lợi chăng? Ly-xa vì đó nói Như lai có nói kệ gồm mười hai bài, ở Thiệm Bộ Châu này ít có cây nào có thể sinh ra quả Đa-la và Pháp. Hợp với hai bài khác nói, không làm y Tăng-già-lê, suốt ngày có thể tiêu trừ sạch hết duyên chuột băng và tầng bậc sừng hổ, ở trên đó mà ăn mặt trăng; giả sử con ruồi có thể uống rượu ngon đọng lại nơi nhũ đá mê loạn mà chìm đắm, giả sử lá cây gai góc đầy đầy khắp nơi tam thiên đại thiên thế giới, giả sử chiếc thuyền nhỏ có thể chở núi Tu-di vượt qua biển nước mênh mông”.

Lúc bấy giờ, trong hội chúng có một Thiên nữ tên là Tịnh Quang, thưa hỏi Thế tôn rằng: Hai vị Hiền giả đó từ nơi nào đến đây, nguyện xin giảng nói. Đức Phật nói: “Từ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp về thuở quá khứ, bấy giờ có Đức Phật hiệu là Đồng Tánh Đẳng, xứ sở của Ngài rộng lớn mênh mông dọc ngang sáu mươi tám ngàn do-tuần, có bảy mươi tám ngàn ngôi thành lớn.

Lúc ấy, thành lớn tên là Bảo Tụ, tức nay là thành Vương xá. Lúc Đức Phật Đồng Tánh Đẳng nói kinh Đại Vân thì trong thành có vị vua lên là Đại Tinh Tấn Long vương, nhà vua có phu nhân tên là Hộ Pháp, có một vị đại thần tên là Pháp Lâm Thọ, thưa với Đức Phật: Xá-lợi Như lai có thể được chăng? Đức Thế tôn không trả lời.

Lúc đó, Đại vương vì chánh pháp nên cùng với tất cả đại thần luận nói về xá-lợi. Đức Phật có vị đệ tử tên là Ma-ha Nam, tâm sinh vui mừng, khen ngợi Đức Thế tôn. Nhà vua nghe khen ngợi rồi vui mừng phát nguyện: Nguyện con ở đời sau lúc chánh pháp của Đức Thích-ca hoại diệt, trong thời gian đó xuất gia vì chánh pháp nên không tiếc thân mạng. Đại thần cũng phát nguyện: Trong chánh pháp của Đức Thích-ca làm vua nước lớn giữ gìn pháp của Như lai.

Phu nhân cũng phát nguyện: Trong chánh pháp của Đức Thích-ca thường làm cho tà kiến khuất phục. Lúc đó Ma-ha Nam nguyện giống như vì ấy làm đại đệ tử của Đức Phật đó”.

Đức Phật bảo với Thiên nữ: Bốn người ấy nay ở đời ta vì pháp lại gánh vác trách nhiệm nặng nề, không chỉ hôm nay mà còn ở vị lai về sau sẽ che chở chánh pháp của ta. Nay Thiên nữ! Vị Đại thần lúc đó nay chính là Bà-la-môn Thiện Đức này, sau khi ta diệt độ một trăm hai mươi năm, vua cõi Diêm-phù-đề tự là A-thúc-ca trú trong thành Ba-lê-phất-la, họ Vô-da, đạt được một trong hai phần phước đức vốn có của Chuyển luân vương. Phu nhân của nhà vua lúc đó chính là người Thiên nữ. Người được nghe trong chốc lát nay được gặp ta, xả bỏ hình tướng loài trời này liền dùng thân nữ đảm đương đất nước ngôi vị, đạt được một trong bốn phần lãnh thổ cai quản của Chuyển luân vương, giáo hóa quyền thuộc thọ trì năm giới, bảo vệ chánh pháp, dẹp tan ngoại đạo. Vị vua lúc bấy giờ nay chính là Ly-xa Tử Nhất Thiết Chúng Sinh Lạc Kiến, thông đạt sâu sắc chánh pháp, thường mở bày nghĩa lý vì diệu che chở chánh pháp không để tổn hại. Ma-ha Nam lúc đó nay chính là Bồ-tát Đại Vân Mật Tạng, đạt được một trong hai phần chân thân của ta, biết ân báo ân, che chở chánh pháp nghĩa sâu không vương mắc”. Văn phần một chia làm ba:

1. Trần-như đến cúng dường Đức Phật.
  2. Nghe Đức Phật nhập diệt buồn bã.
  3. Nêu công đức của Phật làm lý do của sự cầu nguyện.
- Văn phần một này có bốn mục:
1. Nêu ra thời xứ.
  2. Nói về tên họ.
  3. Nói về đồng loại.
  4. Trình bày việc cúng dường.

Nói Pháp sư thọ ký, Pháp sư là Phật, cùng với sự thọ ký đó, làm sáng tỏ công đức địa vị thù thắng, cho nên đặt cho thành tên gọi này. Địa vị này ở trong Hội hướng thứ mười được Pháp sư thọ ký, vì vậy trú nơi Linh Sơn này đã là Hóa Phật, đối cơ có thể thỉnh cầu cho nên ở Địa tiền, lại giải thích: Đây là vào hàng Thập Địa do đó bản Chân-đế nói: “Như vậy thân Phật giống như nghĩa Như Thị mà Như lai đã nói. Tôi đã nghe biết là thỉnh cầu Như lai giảng rộng phân biệt về nghĩa chân thật, cho nên cầu xá-lợi, mở bày pháp môn phương tiện”. Đã nói: Tôi đã nghe biết, rõ ràng là đã ngộ, chỉ vì lợi lạc cho nên ở nơi ấy thỉnh cầu cúng dường. Luận Đại Trang Nghiêm nói về “Phát tất cả mười đại

nguyện cúng dường tất cả các Đức Phật, cũng có ba cách:

1. Tất cả các Đức Phật không sót.
  2. Cúng dường không sót.
  3. Cung kính không sót.
- Cúng dường có ba thứ:
1. “Lợi cúng dường đó là những vật như y phục v.v....
  2. Kính cúng dường đó là hương hoa.
  3. Tu hành cúng dường đó là tu hành các giới v.v...”.

Còn trong Du-già Bồ-tát Địa có mười cách cúng dường, toàn bộ thấu nhiếp trong ba cách này. Kính cúng dường không sót cũng có ba thứ:

1. Cung kính hầu hạ.
2. Cung kính đưa đón.
3. Cung kính tu hành. Nói cúng dường ở đây tức là đầy đủ ba nghĩa trước đó, một Đức Phật tức là tất cả các Đức Phật.

**Văn kinh:** Nghe Đức Thế tôn nói nhập Niết-bàn, nước mắt nước mũi tuôn trào lẫn lộn.

**Tán rằng:** Nghe Đức Phật nhập Niết-bàn nên buồn bã. Đây chính là nghe thị hiện nhập Niết-bàn trước đó và cũng bày tỏ sự tưởng, nghĩa là Phật sắp nhập Niết-bàn cho nên tức thời rơi nước mắt. Như kinh Niết-bàn quyển một nói về các tướng buồn khổ: “Chảy ra từ mũi là nước mũi, tuôn ra từ mắt là nước mắt, hai tướng chảy xuống lẫn lộn là đồng thời tuôn ra”.

**Văn kinh:** Tiến đến lễ lạy dưới chân Phật, bạch Đức Phật rằng: Quả thật Như lai đối với các chúng sinh có lòng từ bi thương xót lợi ích vô cùng, khiến cho được yên ổn giống như cha mẹ, ngoài ra không ai sánh bằng.

**Tán rằng:** ba là nêu công đức của Phật làm lý do cầu nguyện lợi lạc. Trong đó có ba phần:

1. Quy thành kính lễ.
2. Kể về Phật có khả năng làm lý do thỉnh nguyện.
3. Tâm nguyện thỉnh cầu chính đáng.

Tiến lên đánh lễ Phật chính là quy thành kính lễ. “Nếu thật Như lai” trở xuống là nói Phật có khả năng vì thừa thỉnh pháp. Trong đó có hai:

1. Nói về từ bi lợi ích của Thế tôn.
2. Nói về ba đức đầy đủ của Thế tôn, là lý do đưa ra thỉnh cầu.

Trong phần một có hai: Một là pháp; Hai là dụ. Do đại từ nên



thương xót ban cho niềm vui, do đại bi nên thương xót nhờ sạch gốc khổ. Theo Du-già quyển bốn mươi bảy “chỗ nương của lòng xót thương có năm thứ:

1. Hữu tình bị đau khổ.
2. Hữu tình làm điều ác.
3. Hữu tình buông lung.
4. Hữu tình tà hạnh.
5. Hữu tình phiền não tùy miên.

Tám nạn là có khổ đau, không có luật nghi là làm điều ác, đắm mê cảnh giới là buông thả, nương theo các vọng kiến, ác thuyết, xuất gia trong chánh pháp nhưng làm việc tà hạnh, phiền não có thể biết”. Nói đại từ bi, trong Nhiếp luận chín của ngài Vô Tánh chép: “Hán dịch là Đại, là tư lương phước trí chứng đắc trọn vẹn do đó mà thoát khỏi ba khổ, thuộc về hành tướng. Hữu tình trong ba cõi là sở duyên, đối với các hữu tình tâm luôn bình đẳng, chắc chắn không có ai hơn đây, từ đó khiến cho được lợi ích an vui. Lợi ích an vui tức là quả thế gian và xuất thế gian, phước và trí theo đó ứng hợp không sai. Hoặc lợi tức là mười lợi, lạc gồm có năm lạc”.

Lại nói “Thương xót có bảy thứ:

1. Không sợ hãi.
2. Như lý.
3. Không mệt mỏi.
4. Vô cầu.
5. Vô nhiễm.
6. Rộng lớn.
7. Bình đẳng.

Không vì sợ người đó mà thương xót, nương theo chánh pháp dạy dỗ là như lý, luôn luôn tạo ra nhiều lợi ích là không mệt mỏi, không đờ người kia yêu cầu mà thương xót họ gọi là vô cầu, không có tâm ái nhiễm cũng không mong cầu báo đáp là vô nhiễm, vì lợi ích hữu tình thà xả bỏ thân mạng không làm điều ác gọi là rộng lớn, đối với thế giới hữu tình không có phân chia giới hạn gọi là bình đẳng thương xót”. Giống như cha mẹ là dụ, luận Đại Trang Nghiêm quyển mười hai chép: “Bồ-tát có bảy loại tương tự lợi ích:

1. Tựa như mẹ.
2. Tựa như cha.
3. Tựa như bạn tốt.
4. Tựa như bạn đồng hành.

5. Tựa như tôi tớ.
  6. Tựa như Xà-lê.
  7. Tựa như Hòa thượng.
- Giống như mẹ hiền đối với con trẻ làm năm việc lợi ích:

1. Mang thai.
2. Sinh đẻ.
3. Nuôi lớn.
4. Phòng tổn hại.
5. Dạy dỗ khuyển bảo.

- Năm sự nghiệp lợi ích chúng sinh của Bồ-tát cũng giống như

vậy:

1. Tâm bình đẳng hướng về chúng sinh.
  2. Sinh ra nơi thánh địa.
  3. Nuôi lớn các gốc lành.
  4. Phòng hộ các điều ác gây ra.
  5. Giáo dục tập luyện để nghe nhiều.
- Giống như cha lành đối với con thơ tạo ra năm sự lợi ích:

1. Gieo giống.
2. Dạy dỗ tinh xảo.
3. Tạo dựng gia đình.
4. Gởi gắm bạn tốt.
5. Vì con cất dứt nợ nần không làm cho sau này phải đền trả.

- Năm sự nghiệp lợi ích của Bồ-tát cũng giống như vậy:

1. Khiến cho khởi tín để làm hạt giống thánh thể.
2. Khiến cho học tập thêm lớn giới định để làm tinh khéo léo

hơn.

3. Giúp cho được giải thoát vui sướng để làm gia thất, pháp hỷ là

vợ.

4. Khuyến khích thỉnh cầu các Đức Phật để làm bạn lành.
5. Vì ngăn chặn các chương nạn để làm dứt hết nợ nần”.

Từ các nghĩa này cho nên ngoài ra không có ai sánh bằng.

**Văn kinh:** Thường làm nơi quy y cho thế gian giống như vầng trăng tròn đầy trong sáng.

**Tán rằng:** Đây là trình bày về ba đức đầy đủ. Đây tức là đoạn đức, như kinh Niết-bàn nói: “Tam-muội Nguyệt ái làm cho mát mẻ”.

Lại nữa, Thi-la, Hán dịch là Thanh lương. Thanh lương chính là Niết-bàn. Từ giới có thể làm cho mát mẻ Niết-bàn nên gọi là Thanh Lương, do đó dùng vầng trăng thí dụ cho đoạn Đức Niết-bàn. Vì vậy

kinh tụng nói: “Pháp trở về phân biệt, thánh trở về Niết-bàn”. Luận Thập Địa chép: “Như các loài ong nường theo mùi mật; vì vậy làm nơi quy y cho thế gian tức là Niết-bàn, Niết-bàn chính là đoạn đức”.

**Văn kinh:** Dùng trí tuệ rộng lớn thường chiếu sáng cho tất cả giống như mặt trời bắt đầu xuất hiện.

**Tán rằng:** Hiển bày trí đức. Trí có công năng phá tan bóng tối giống như mặt trời bắt đầu xuất hiện.

**Văn kinh:** Quán sát tất cả chúng sinh, yêu mến không thiên lệch, đồng như La-hộ-la.

**Tán rằng:** Hiển bày ân đức.

**Văn kinh:** Chỉ nguyện Thế tôn cho con một nguyện.

**Tán rằng:** Tâm nguyện cầu Phật. Phật có từ bi, lại đầy đủ ba đức, thường thỏa mãn nguyện ước cho con, cho nên nay cầu nguyện.

**Văn kinh:** Lúc bấy giờ, Đức Thế tôn im lặng.

**Tán rằng:** Phương tiện im lặng. Im lặng có năm ý:

1. Vì trừ cơ hiểm, sợ rằng được ngợi khen liền cho họ nguyện.
2. Vì nên nghe.
3. Tránh trái phạm nhau, trước nói nhập Niết-bàn, nay lại nói là thường không nhập Niết-bàn, trái phạm nhau cùng với lời trước.
4. Hiển bày của Đức Phật cao vời, đệ tử hãy còn có thể đáp hỏi, huống là Như lai.
5. Dứt các nghi ngờ khác, vì hơn hẳn các thuyết khác làm chứng.

**Văn kinh:** Nhờ uy lực của Phật nên ở trong chúng này có Lê-xa-tỳ đồng tử tên là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến.

**Tán rằng:** Ba là Đức Phật thêm câu hỏi của Hỷ Kiến. Trong văn chia làm năm:

1. Nêu ra nơi chốn.
2. Nói rõ dòng họ chủng loại.
3. Nêu ra tên gọi.
4. Hỷ Kiến hỏi rõ nguyện.
5. Hỷ Kiến nói có thể.

Đây là ba mục đầu tiên.

**Văn kinh:** Nói với Bà-la-môn Kiều-trần-như rằng: Nay Đại Bà-la-môn! Nay ông theo Phật muốn xin nguyện gì, ta sẽ ban cho ông.

**Tán rằng:** Hai mục cuối.

**Văn kinh:** Bà-la-môn nói với đồng tử: Tôi muốn cúng dường Đức Thế tôn vô thượng, bây giờ theo Như lai cầu thỉnh xá-lợi nhỏ như hạt cải.

**Tán rằng:** Bốn là Trần-như trả lời sự cầu thỉnh xá-lợi. Mong muốn hiển bày, thường hy vọng cầu thỉnh xá-lợi, đầu tiên văn chia làm ba:

1. Trần-như trả lời ý nguyện.
2. Giả thiết ngoài điều nêu ra.
3. Trả lời lý do nguyện cầu.

Đây là phần đầu.

**Văn kinh:** Vì sao? Vì ta có nghe nói nếu người thiện nam, thiện nữ nào được xá-lợi Phật nhỏ như hạt cải cung kính cúng dường thì người đó sẽ sinh lên tầng trời Tam thập tam làm Đế-thích.

**Tán rằng:** Văn hai mục sau. Giả như tiếp cận việc lớn mong cầu nơi Hỷ Kiến, vì hiển bày nhân thường nên đạt được quả thường. Như kinh Bồ-tát Xử Thai, Vô Thượng Y Mật Tích Lực Sĩ Tây Vực truyện v.v... đều nói về cúng dường nhiều ít xá-lợi và công đức.

**Văn kinh:** Lúc đó, Đông tử nói với Bà-la-môn rằng: Nếu muốn nguyện sinh lên cõi trời Tam thập tam thọ hưởng quả báo thù thắng, thì phải dốc lòng nghe kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương này.

**Tán rằng:** Hỷ Kiến phân tích nêu rõ về phước môn, tức là hiển bày nhân thường, văn xuôi trả lời bằng giải thích, trong tụng trả lời bằng lý. Văn xuôi có ba:

1. Dạy bảo nghe kinh này.
2. Nói rõ lý do.
3. Kết thúc tóm lược.

Đây là phần đầu.

**Văn kinh:** Thù thắng bậc nhất, khó hiểu khó hội nhập nhất trong các kinh, hàng Thanh văn, Độc giác đều không có thể biết rõ.

**Tán rằng:** Nói rõ lý do có hai:

1. Nêu rõ hai thừa không biết.
2. Có thể làm nhân thù thắng.

Ở đây không thể biết mà nhờ nghe kinh này có thể vì Báo thân, Pháp thân sinh hiểu rõ hai nhân. Như luận Bát-nhã của Bồ-tát Thiên Thân, v.v... chép: “Đối với pháp là liễu nhân, cũng là dư sinh nhân. Báo là pháp dư, hữu vi mới bắt đầu phát khởi cho nên làm sinh nhân, năng thuyên này hiển bày lý, hạnh, quả, nương vào thuyên khởi hạnh có thể chứng được Pháp thân, cho nên làm hai nhân”.

**Văn kinh:** Kinh này có công năng sinh ra vô lượng, vô biên phước đức quả báo cho đến thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

**Tán rằng:** Có công năng là nhân thù thắng, có công năng sinh ra quả báo là nhân mười vương nhân, thành tựu Bồ-đề là nhân ba thân,

quả báo thù thắng chân thật ý là khiến cho người kia mong cầu.

**Văn kinh:** Nay ta vì ông nói sơ lược việc đó.

**Tán rằng:** Kết thúc tóm lược.

**Văn kinh:** Bà-la-môn nói: Hay thay! Đồng Tử! Kinh Kim Quang Minh sâu xa tối thượng khó hiểu khó vào này hàng Thành văn, Độc giác còn không thể biết được.

**Tán rằng:** Trần-như phương tiện lại càng kiên quyết cầu thỉnh, văn chia làm ba:

1. Khen ngợi kinh thâm diệu thù thắng không biết.
2. Chúng ta trí tuệ nhỏ nhoi không thể nào nương theo tu tập.
3. Thiết tha cầu thỉnh xá-lợi.

Đây là mở đầu.

Nói về lý của Bồ-đề không Niết-bàn không cho nên sâu xa, trừ sạch hai chướng cho nên vô thượng, trí này của phàm phu khó hiểu rõ, hiện trí khó lãnh hội, Nhị thừa định tánh không thể liễu ngộ, cho nên không thể biết được.

**Văn kinh:** Huống là chúng ta hạng người quê mùa dốt nát, trí tuệ cạn cợt mà có thể hiểu được hay sao? **Tán rằng:** Chúng ta kém trí không thể nương theo tu tập.

**Văn kinh:** Chính vì thế, nay ta cầu thỉnh xá-lợi Phật nhỏ như hạt cải mang về bốn xứ, đặt trong hộp quý cung kính cúng dường, sau khi qua đời được làm Đế-thích, thường được an vui.

**Tán rằng:** Sau cuối thiết tha cầu xá-lợi, chia làm hai:

1. Nói ra ý cầu thỉnh.
2. Nêu ra.

Vì sao không cầu xin cho ta; đây là nêu ra ý cầu mong, đáp rằng thường trú thật không có xá-lợi.

**Văn kinh:** Vì sao nay ông không thể cầu xin từ Đấng Minh Hạnh Túc cho ta một nguyện như thế? Nói lời này xong.

**Tán rằng:** Đây là nêu ra vì sao không cầu xin xá-lợi thân Phật cho ta, để ta cúng dường được quả thường vui.

**Văn kinh:** Bấy giờ, Đồng tử liền nói tụng cho Bà-la-môn nghe rằng: Sông Hằng chảy qua nhanh, đâu sinh hoa sen trắng?.

**Tán rằng:** Hỷ Kiến trả lời không thể được. Đại ý đoạn văn này, hoặc theo Nhân Duyên Duy Thức Vô Tướng Chân Như Tứ Chứng Quán Môn chép: Không có xá-lợi. Hoặc theo Tam Vô Tánh Quán chép: Không có xá-lợi. Hoặc Y Tam Tánh chép: Không có xá-lợi. Hoặc đều y theo ba Thân nói là Không, hoặc chỉ y theo Pháp thân, Ứng thân biết

là Không. Ý dứt bỏ tám đảo cho đến bốn chướng.

Nói về Bồ-đề, Niết-bàn có đủ bốn đức, cho nên thọ của ba thân đều không có giới hạn. Bởi vì Trần-như mượn cơ Phật từ nhân hữu lậu sinh ra, giống như báo thân thế gian chết đi để lại xương cốt lẽ ra là Vô thường. Nay đáp rằng không, y cứ theo đạo lý trước đây khiến cho hiểu rõ những điều khác, biết Phật thường trụ là thật sự an vui, hợp với lý mà tu tập là ý chính trong đoạn này. Có mười bốn bài tụng chia làm bốn phần: Ba hàng đầu nói về lìa ba tướng hữu lậu nên không có xá-lợi, ba hàng tiếp theo nói về có đủ ba đức Niết-bàn nên không có xá-lợi, ba hàng tiếp đó nói về bốn hạng người có chướng ngại, vì không được chân thật nên không có xá-lợi, bốn bài cuối nói về thân chân thật, có đủ bốn đức nên không có xá-lợi.

Đây là mở đầu.

Nửa hàng nói về tướng vô sinh của Pháp thân, hằng hà dụ cho chân lý. Kinh Niết-bàn và luân Bảo Tánh đều dùng sông Hằng dụ cho chân như. Chảy nhanh dụ cho Như, tự tánh không có cấu nhiễm, tự tánh giải thoát. Tự tánh trí tuệ không đồng với hữu vi, thường sinh ra các pháp cho nên không có xá-lợi, giống như dòng chảy nhanh không mọc lên hoa sen. Hoặc từ thân thọ dụng do đại bi Bát-nhã tín định thành tựu, giống như dòng chảy nhanh nối nhau trong từng sát-na suốt thời gian vị lai cho nên không có xá-lợi, không giống như thân kia sinh diệt thành tựu từ hoặc nghiệp hữu lậu có thể để lại thân cốt. Đây là theo Y tha, không tự nhiên sinh ra mà phải nhờ các duyên. Thân vô lậu này chẳng phải là nhân hữu lậu cho nên không thể có thân máu thịt.

Hoa sen trắng: Tiếng Phạm là Bôn-đồ-lợi-ca, vì vậy kinh mới dịch, xưa dịch đều gọi là hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu, hoa Bát-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi, như thứ lớp bốn màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Nhưng bản dịch xưa chép: “Câu-vật, Hán dịch là Bạch Liên Hoa. Bởi vì trong dòng chảy nhanh đều không mọc ra, tùy đó nêu ra một chọn lấy văn để nói. Gặp nước nên sinh ra vật, dòng chảy nhanh còn không thể nào mọc ra, vô vi chẳng sinh, vô lậu chẳng nhiễm, trái với pháp nhiễm nên không có xá-lợi”.

**Văn kinh:** Chim vàng biến màu trắng, quạ đen biến thành đỏ.

**Tán rằng:** Nói vô tướng không có biến dị cho nên không có xá-lợi. Chim vàng bản dịch cũ gọi là Câu-chỉ-la, Hán dịch là hoàng điểu, có lẽ là chim hoàng vĩ lâu ở xứ này. Lại giải thích: Dịch là Vô chánh tướng, Tây phương có loài chim này hình dáng như chim Bồ câu Hoàng điểu hình dáng bé nhỏ, dụ cho sắc uẩn lão không khắp ba cõi, phần

đoạn lão không khắp vô lậu địa. Hình dáng quạ hơi lớn dụ cho bốn uẩn lão ở khắp ba cõi, dụ cho biến dịch tử ở khắp vô lậu địa. Nay Pháp thân, Báo thân này hai uẩn lão đều không còn, do đó không có xá-lợi.

**Văn kinh:** Giả sử cây Thiêm bộ có thể sinh ra quả Đa-la, trong cảnh Khiết-thọ-la, thường mọc lá Am-la.

**Tán rằng:** Nói về tướng vô diệt của Pháp thân cho nên không có xá-lợi. Cây Thiêm bộ, ngoài biển lớn ở phía Bắc châu này có nhiều cây này, cây rất lớn, có thể ăn được, gốc cây dưới biển có nhiều vàng quý đẹp. Xưa nói “vàng Diêm-phù-đàn” là lầm. Trong luận Du-già chép: “Bên cạnh hồ Vô Nhiệt có cây Đại Thiêm bộ, châu này dùng tên cây đó để đặt tên”. Cây Đa-la, truyện chép: “Hình dáng cao lớn, lá nhỏ và dài, tức là lá Bối-đa-la, các nước ở Tây Vực viết bằng lá cây này”.

Khiết-thọ-la, Hán dịch cũng không phiên dịch. Xưa gọi là cây Khư-thọ-la, giống như cây Hán cô, bên trong có hạt nhỏ, hạt lớn như hạt táo, ăn có vị ngọt thơm. Truyện Tây Quốc nói: “ Là cây nổi tiếng ở nước Ma-kiệt-đề, xứ khác cây này không nhiều”. Am-la (Truyện nói: Hán dịch là cam tử, hạt nhỏ). Như vậy khác loại cho dù có sinh diệt, còn không có loại quả này diệt rồi mà sinh ra những loại quả đó, sao nói pháp vô vi có thể có diệt đi mà để lại xá-lợi? Nếu y theo tự tánh Pháp thân, luận Bát-nhã chép: “Ba tướng khác thể cho nên lìa kia đây chính là Như lai”.

**Văn kinh:** Các vật hy hữu ấy hoặc có thể chuyển biến, xá-lợi của Thế tôn, rốt ráo không thật có.

**Tán rằng:** Hợp với pháp. Những thứ hữu vi kia dù có thể thay đổi biến hóa cho nên nói hoặc là bất định, nhưng Pháp thân Như lai chắc chắn không sinh diệt để lại xá-lợi, hoặc Báo thân, Hóa thân nghĩa y cứ theo đó có thể biết.

**Văn kinh:** Giả sử dùng lông rùa, dệt thành áo rất quý, lúc lạnh có thể mặc được mới cầu xá-lợi Phật.

**Tán rằng:** Đây là ba hàng sau nói về có đủ ba đức cho nên không có xá-lợi. Một bài đầu nói về Bát-nhã chân thật lìa xa luống dối, lông rùa vốn không có, dụ cho Bát Nhã không có cốt phần, dệt thành áo quý lạ dụ cho nhờ xá-lợi mà tu hạnh thù thắng; lúc trời lạnh có thể mặc được, dụ cho hy vọng sẽ đạt được quả thường còn, như tâm vọng tính toán cho là chân thân của Phật thật có xương thịt v.v... phần thân hữu lậu như lông, chấp mình có thể nương theo tu tập đạt được quả thật có như áo, là biến kế vọng, các vọng đã không có, cho nên tự tánh Bát-nhã thật sự không có xá-lợi. Hoặc có thể, chấp dùng máu thịt gân cốt gom

lại thành Pháp thân, giống như dùng lông rùa dệt thành áo quần sử dụng để ngăn giá lạnh. Vì những việc này không có cho nên không có xá-lợi, lia tướng sinh ở trước.

**Văn kinh:** Giả sử chân ruồi muỗi, có thể dùng chân làm lâu quán, vững chắc không lay động, mới cầu xá-lợi Phật.

**Tán rằng:** Dụ cho pháp nhỏ nhiệm chân thật của Pháp thân, không thể chuyển đổi thành máu thịt thô lậu của pháp hữu vi, do đó không có xá-lợi, lia tướng khác nhau ở trước.

**Văn kinh:** Giả sử loài đĩa nước, trong miệng mọc răng trắng, dài lớn bén như gươm, mới cầu xá-lợi Phật.

**Tán rằng:** Dụ cho tự tánh giải thoát không thể đạt được từ pháp hữu lậu ràng buộc bởi máu thịt, như con đĩa mọc răng nên bị trời buộc ngăn ngại, đã không có sinh vì thế chắc chắn không có diệt, lia xa tướng diệt. Hoặc là trước tiên dụ cho Địa tiền chân như, chẳng bị nhiễm bởi khách trần cho nên không sinh, cho nên kinh nói bất sinh bất diệt. Thập Địa chân như tuy là phần chứng tịnh, chẳng phải là chuyển từ nhiễm mà thành cho nên không khác, vì vậy kinh nói không thêm không bớt. Chẳng phải tùy theo công đức sinh mà thêm, chẳng phải tùy theo phiền não diệt mà bớt. Sau là dụ cho thân giải thoát của đạo hậu, vì đã lia bỏ ràng buộc cho nên không có xá-lợi. Lại giải thích: Ba hàng trước dụ cho sinh vô tự tánh tánh, ba hàng tiếp theo dụ cho tướng vô tự tánh tánh, tám hàng sau dụ cho thắng nghĩa vô tự tánh tánh, thứ lớp như vậy tức là đối với ba tánh y tha, biến kế, viên thành khiến tu quán hạnh.

**Văn kinh:** Giả sử dùng sừng thỏ, làm thành bậc thêm, có thể lên cung trời, mới cầu xá-lợi Phật.

**Tán rằng:** Bốn bài sau nói về bốn hạng người có chướng ngại không đạt được bốn đức. Ý này chính là nói về Pháp thân là thường vui v.v... Nay ở trong này lấy thỏ dụ cho Pháp thân, thường khởi ý tưởng vô thường như nương vào thỏ mà tìm sừng. Làm bậc thêm lên cõi trời dụ cho đức Thường của Niết-bàn, dùng tướng vô thường bước lên mong được vào cung điện Niết-bàn, thì không bao giờ có việc ấy. Từ đó biết rằng không có xá-lợi. Theo đây thì, muốn tìm Pháp thân xá-lợi rất ráo không thể được. Đây là thứ nhất, tức là trừ tâm xả của Duyên Giác. Từ đó Đức Thế tôn thực hiện ý tưởng vô thường, muốn tâm xả mà nhập đại Niết-bàn thì chắc chắn không được, vì vậy biết rằng Pháp thân chắc chắn không vô thường. Thực hành quán vô thường như nương vào thỏ tìm sừng làm bậc thêm, hy vọng bước lên cõi trời thì chắc chắn không thể được, do đó Nhị thừa cho rằng được thì đó là phương tiện mà nói.



Như kinh Thắng-man chép: “Xả bỏ cõi Niết-bàn thì tạm nói là được Niết-bàn, thật sự không thể như thế được”. Nay khiến cho chúng sinh quán sát và thường tu tập đại bi, trừ bỏ chướng ngại tâm xả, có thể thực hiện nhân thường để chứng đạt đức thường của Phật. Lại nương vào Pháp thân quán có vô thường cốt nhục xá-lợi, mong cầu cúng dường là nhân của Pháp thân cũng chắc chắn không thể được, như nương vào Thổ, tìm sừng làm bậc thêm để bước lên cõi trời, vì thế không thể đạt được. Trên đây là y cứ theo đạo quán, tự chướng ngại, không thể đạt được đức thường của Pháp thân. Đây là theo tà quán mong cầu xá-lợi Phật không được, đã không có xá-lợi thì nương vào đâu tu hành có thể làm nhân của thường?

**Văn kinh:** Chuột theo bậc thang này lên, trừ khử A-tô-la, thường che trăng giữa trời, mới cầu xá-lợi Phật.

**Tán rằng:** Trừ chướng ngại sợ khổ của hàng Thanh văn, hàng Thanh văn quán Pháp thân Phật nghĩ đến nỗi khổ hữu lậu, giống như đối với loài chuột, nương theo đức Lạc của Pháp thân để đi lên, không khác việc lấy sừng thỏ làm thêm thang. Suy nghĩ nhớ đến nỗi khổ này có thể trừ dẹp các chướng ngại, thường hàng phục các ma được Niết-bàn hoàn toàn, như chuột men theo thêm sừng thỏ lên cõi trời, trừ oán chắc chắn không thể được. Hoặc chuột dụ cho hàng Thanh văn, bậc thêm sừng thỏ dụ cho đức Lạc, tưởng là thật khổ. Thật ra không có khổ mà chấp là có khổ, có khổ nên liền có vô thường, nghĩa là có cốt nhục xá-lợi cho nên nay mong cầu, tức là dùng nhân này mong đạt được đức lạc, giống như men theo bậc thêm sừng thỏ dứt trừ A-tu-la không làm cho che chắn mặt trăng. Mặt trăng dụ cho Niết-bàn đã không xứng hợp với thực tế, nói rõ chắc chắn không thể được. Khiến cho tu tập đại định vì có thể chứng được nhân của đức Đại Lạc.

**Văn kinh:** Nếu ruồi uống rượu say, đi khắp trong thôn ấp, xây dựng nhiều nhà cửa, mới cầu xá-lợi Phật.

**Tán rằng:** Trừ chướng ngại ngoại đạo chấp ngã. Bởi vì ngoài Đức Thế tôn ra, đối với những hữu lậu khác, quán có Ngã Lạc là do điên đảo, như ruồi uống say liền nằm ngay tại chỗ, không thể bay qua thôn ấp tạo nên những hang ổ. Pháp Thập Địa trong nhân như thành lũy, trạch diệt giống như xóm ấp. Đức Lạc Niết-bàn như nhà cửa, vì thế trong luận Trí Độ có dẫn ra: Có một ngoại đạo nói một bài tụng cho Xá-lợi Tử nghe rằng: “Ta uống rượu gạo canh, trộm mang đến một bình. Núi đất mọi cỏ cây, nhìn giống như màu vàng”. Đây là dụ cho ngoại đạo đối với pháp hữu lậu thực hành Bất không, Hữu tướng, Hữu nguyện. Ở đây y theo vô

vi, không thể gọi là xây dựng nhà cửa, chỉ gọi là trình độ (tạo nghệ). Hoặc dựa theo liễu nhân, giả dụ xây dựng nên nhà cửa, khiến dứt trừ vọng chấp điên đảo, cho nên tu Bát-nhã trí tuệ, giác ngộ rõ ràng, có thể đạt được Đại Ngã Niết-bàn của Như lai. Hoặc như ngoại đạo, tuy cho rằng Ngã thường nhưng có nghĩa của sự xả thân, thọ thân, cho nên nói rằng thân Thường Ngã của Thế tôn có xá-lợi, đã là điên đảo, cho nên không có xá-lợi.

**Văn kinh:** Dù làm màu môi lửa, đỏ như trái tần-bà, khéo làm chuyện múa hát, mới cầu xá-lợi Phật.

**Tán rằng:** Trừ chướng xiển-đề không tin. Do si mê không tin bốn đức của Pháp thân, vì ngu tối nên dụ cho môi lửa đen, vì không tin nên dụ cho không đạt được hoàn toàn thanh tịnh Niết-bàn của Như lai. Như màu đen của môi lửa không thể làm cho đỏ như trái Tần-bà. Xiển-đề không tin nên không thể đạt được trong Pháp thân có xá-lợi, khiến tu tập tin tưởng có thể làm nhân cho đức thanh tịnh chứng được thanh tịnh hoàn toàn. Bốn đức này đều nói theo tăng chướng, tăng nhân. Theo địa vị tu hành thì chỗ này ngược lại với thứ lớp. Y theo thứ lớp bốn đức cho nên trước tiên nói về các tâm xả. Khéo làm chuyện múa hát, hát dụ cho nói pháp, tức là lợi tha, hành động múa may dụ cho thực hành tự lợi. Theo văn kinh này tựa như toàn bộ dụ cho phần thứ tư. Y theo bản của ngài Chân-đế tức là từ “Thiện tác” trở xuống thông suốt kết hợp với bốn đức trước, bởi vì kinh đó nói: “Phàm phu và Nhị thừa có thể nói và có thể thực hành tự tha thì không bao giờ có việc đó cho nên tóm lại không thể nói đến bốn đức của Như lai và bốn nhân tu tập”. Nhưng ý văn này hoặc là tạm thời không thể nói và tu hành, hoặc y theo Nhị thừa định tánh và xiển-đề vô tánh ngoại đạo nhưng có thể nói rằng vì bất định tánh và hữu chủng tánh để khiến cho dứt bỏ chướng ngại, tu nhân bốn đức, chứng được bốn đức. Hoặc có thể người định tánh không ngu dốt pháp cũng chứng được, vì đó nói khiến cho biết nên hóa tha chút ít. Hoặc có thể, văn này chỉ dụ cho kết thúc hạng thứ tư phỏng theo ba hạng người trước.

**Văn kinh:** Quạ cùng chim cú mèo cùng đi chung một nơi, kia đây thuận theo nhau, mới cầu xá-lợi Phật.

**Tán rằng:** Nói về Pháp thân chân thật đầy đủ bốn đức cho nên không có xá-lợi. Cũng chia làm bốn. Ở đây trước hết nói về đức thường thật không đồng nơi chốn với vô thường luống dối cho nên không có xá-lợi. Lại quán vô thường không thể đạt được đức thường, giả như đạt được thì có thể cầu xá-lợi, vì không đạt được cho nên không thể cầu.

**Văn kinh:** Giả sử lá Ba-la, có thể thành tàn lọng, thường che được mưa lớn, mới cầu xá-lợi Phật.

**Tán rằng:** Nói về đức Đại Lạc. Nếu cho rằng khổ giống như lá Ba-la. Lá cây Ba-la truyền thuyết nói rằng đều chia ra ba đường, không thể làm tàn che được mưa lớn. Mưa lớn dụ cho khổ biến dịch, Thanh văn cho là khổ nên không thể phá trừ biến dịch, nỗi khổ mưa lớn của bốn ma. Nhị thừa thực hành quán vô thường và khổ do đó không đạt được thường lạc.

**Văn kinh:** Giả sử tàu thuyền lớn, chứa đầy các châu báu, có thể đi trên bộ, mới cầu xá-lợi Phật.

**Tán rằng:** Nói về đức Đại Ngã. Dùng ngã Pháp thân như tàu thuyền lớn, có đủ hàng sa công đức như chứa đầy tài sản, châu báu, khiến di chuyển trên bộ dụ cho ngã kiến của ngoại đạo. Tâm ngã kiến của ngoại đạo không thể thấy được chân ngã. Chân ngã giống như tàu thuyền, không như nơi ngoại đạo chấp ngã như tàu thuyền có thể đi trên bộ.

**Văn kinh:** Giả sử con chim ri, dùng mỏ ngậm núi hương, lang thang khắp mọi nơi, mới cầu xá-lợi Phật.

**Tán rằng:** Nói về đức Đại Tịnh. Ngoại đạo không tin đức thanh tịnh của Niết-bàn, vọng tính toán rằng ngoài tịnh có thể đạt được đức chân tịnh của Niết-bàn, như con chim ri không thể ngậm núi Hương ngao du được. Núi Hương dụ cho đức thanh tịnh của Niết-bàn, chim dụ cho ngoại đạo, không tin lời Phật nói, chỉ dựa vào cái thấy và hành động của mình cho là đạt được chân tịnh, thì chắc chắn không được. Đã là chân Pháp thân thì không thể vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, rõ ràng biết xá-lợi chắc chắn không thể đạt được, cầu xá-lợi nương vào đó cúng dường, làm nhân an vui, thành tựu bốn nguyện ấy chắc chắn không thể nào đạt được. Cần phải quán Phật lia xa ba tướng, thành tựu ba đức, trừ dẹp bốn chướng, tu tập bốn nhân, chắc chắn được thỏa mãn ý nguyện.

**Văn kinh:** Lúc đó, Bà-la-môn Pháp sư Thọ Ký nghe bài tụng này xong cũng dùng kệ, tụng trả lời đồng tử Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến rằng.

**Tán rằng:** Thứ tám là Trần-như hiểu rõ ý thường trụ. Văn có hai phần khác nhau: Ban đầu là nêu ra người sơ kinh, sau là chính thức hiểu rõ. Đây là mở đầu.

**Văn kinh:** Hay thay! Đại Đồng tử! Tốt lành trong chúng này, tâm phương tiện tuyệt vời, được thọ ký vô thượng.

**Tán rằng:** Trần-như chính thức hiểu rõ, có bài tụng bảy hàng chia

làm ba: Hai bài đầu khen ngợi công đức sắp kể ra, bốn bài tiếp theo chính thức nói về hiểu ngộ của mình, một bài cuối kết thúc thân Phật thường trụ. Văn phần đầu chia làm ba: Một bài đầu khen ngợi công đức của Hỷ Kiến, nửa hàng tiếp theo nêu lên sự thành tựu của Phật, nửa hàng tiếp đó bảo lắng nghe sắp nói. Đây tức là khen ngợi Hỷ Kiến, đầu tiên là khen ngợi chung, tiếp theo khen ngợi riêng. Khen ngợi chung là khen ngợi nói pháp trước đó và khen ngợi công đức bên trong. Bởi vì pháp đã nói trước đây nương theo trí vô nhiễm nói về bốn đức của Phật, khiến cho sinh ra việc trừ chướng, tu nhân, đương chứng vì thế khen rằng hay thay. Khen ngợi công đức bên trong tức là khen ngợi các công đức dưới đây, có sáu thứ công đức thù thắng:

1. Tương ứng thắng đức.
2. Sinh vị thắng đức.
3. Phát nguyện thắng đức.
4. Thiệt xảo thắng đức.
5. Phương tiện thắng đức.
6. Nhiếp thọ thắng đức.

Nói là Đại Đồng Tử bởi vì tương ứng với bảy đại tánh. Như luận Bát-nhã của Bồ-tát Vô Trước chép: “Bồ-tát này tương ứng với bảy đại tánh cho nên gọi là Đại”. Nghĩa này đồng với kia. Nói Đồng Tử là hiển bày sinh nơi địa vị thù thắng, vì bước lên Sơ Địa, sinh trong nhà Như lai gọi là Đồng Tử, tức là nghĩa Phật tử chân thật. Chỗ này lại có bốn thứ:

1. Chứng tử thắng, tin đại pháp làm chủng tử.
2. Sinh mẫu thắng, lấy Bát-nhã làm mẹ sinh ra.
3. Thai tạng thắng, lấy thiền định làm bào thai.
4. Nhũ mẫu thắng, lấy từ bi nuôi lớn làm vú nuôi.

Tốt lành trong chúng này tức là Đại nguyện thắng, nghĩa là phát khởi mười nguyện lớn hay bốn nguyện rộng. Nói khéo léo tức là thiệt xảo thắng, được tiến lên địa trên dễ dàng. Nói phương tiện tâm tức là phương tiện thắng. Nương vào hai lợi ích sinh ra:

1. Biết mình gần gũi Bồ-đề.
2. Biết lợi tha thuận tiện.

Nói được Phật thọ ký tức là nhiếp thọ thắng vì được phần nhiếp thọ ký của các Đức Như lai.

**Văn kinh:** Như lai oai đức lớn, thường cứu giúp thế gian, nhân thực dốc lòng nghe, nay tôi lần lượt nói.

**Tán rằng:** Hai câu trước khen ngợi trí, bi của Phật, đại oai đức là trí đức, đầy đủ các thứ thần thông; thường cứu giúp là bi đức, lợi ích cho

thế gian. Nay tôi lần lượt nói là kể rõ những điều sẽ nói. Những điều sẽ nói ấy tức là ba thân Phật. Trong Nhiếp Luận của ngài Vô Tánh, phần quả trí kia có chép: “Nên biết rằng Pháp thân sơ lược có năm tướng:

1. Tướng Chuyển y.
2. Tướng Bạch pháp sơ thành.
3. Tướng Vô nhị.
4. Tướng Thường trụ tướng.
5. Tướng Bất khả tư nghị vi tướng.

Năm nghĩa này tôi sẽ lần lượt nói.

**Văn kinh:** Cảnh các Đức Phật khó nghĩ, thế gian không gì bằng, tánh Pháp thân thường trụ, tu hành không khác nhau.

**Tán rằng:** Bốn bài sau chính là nói về sự hiểu rõ của mình. Hai bài đầu hiểu rõ thường trụ, hai bài sau hiểu không có xá-lợi. Đầu tiên hiểu về thường trụ tức là phần quả trí kia. Phần quả trí kia lược có năm tướng: Cảnh giới các Đức Phật khó nghĩ là tướng không thể suy nghĩ bàn luận, thế gian không gì bằng là tướng chuyển y, tánh Pháp thân thường trụ là tướng thường trụ, tu hành không khác nhau là tướng bạch pháp thành tựu, thể các Đức Phật đều đồng một hạnh là tướng vô nhị vi. Ý ở đây cho các pháp như vậy vốn là nương theo mê-ngộ cho nên trước tiên nói về tướng không thể suy nghĩ bàn luận.

Đã biết nguồn gốc rồi, tiếp theo phân biệt về tướng chuyển y, đã chuyển y rồi tức đạt được Pháp thân, tiếp theo phân biệt rõ tướng Pháp thân thường trụ, thân từ nơi nhân mà chứng, tiếp tục phân biệt rõ tướng bạch pháp thành tựu, đã thành tựu bạch pháp không biết sự đồng dị, tiếp tục phân biệt rõ tướng vô nhị vi. Luận kia dùng năng y, sở y làm thứ lớp, cho nên thứ lớp nói khác nhau. Cảnh giới các Đức Phật khó nghĩ bàn tức là tướng thứ năm ở kia, luận ấy chép: “Nói là chân như thanh tịnh tự bên trong chứng đạt, chẳng phải các cảnh giới sở hành của suy nghĩ, các điều ngẫm nghĩ ấy chỉ nên tin hiểu, không nên nghĩ bàn gọi là khó nghĩ bàn”. Thế gian không gì bằng tức là tướng chuyển y thứ nhất, nghĩa là chuyển diệt tất cả các chướng tạp nhiễm phần, tánh y tha khởi chuyển được giải thoát tất cả các chướng, đối với pháp tự tại, chuyển hiện tiền thanh tịnh phần, tánh y tha khởi, ý chuyển y này đã đầy đủ nên thế gian không gì sánh bằng. Tánh Pháp thân thường trụ tức là tướng thường trụ thứ tư kia, luận đó nói: “Nói là tướng chân như thanh tịnh, bốn nguyện dẫn dắt, những việc nên làm không có lúc rốt ráo”. Vô Tánh giải thích rằng: “Đây là hiển bày tánh chân như thường hằng không thay đổi, hiển bày thành tựu quả Phật nói là Pháp thân, nếu tánh biến đổi thì chẳng

phải chân như, cho nên bốn nguyện thường trụ dẫn dắt, việc làm không có lúc rốt ráo do đó hiển bày Ứng Phật-Hóa Phật còn lại”. Tu hành không khác nhau tức là tướng bạch pháp thành tựu thứ hai kia, nghĩa là sáu Ba-la-mật phần nhiều tròn đầy, được mười tự tại. Nghĩa của mười tự tại này, ở sau sẽ giải thích.

**Văn kinh:** Thể các Đức Phật đều đồng, nói pháp cũng như vậy, các Đức Phật không tạo tác, lại cũng vốn không sinh.

**Tán rằng:** Chính là tướng vô nhị vị thứ ba kia. Có ba thứ vô nhị:

1. Hữu vô, Vô nhị.
2. Vị vô, Vị vô nhị.
3. Nhất thiết Phật vô nhị.

Ở đây nói Đồng tức là nghĩa vô nhị (không hai). Thể các Đức Phật đều đồng tức là câu gồm chung, cũng chính là hữu vô vô nhị (hữu và vô không hai). Các Đức Phật vô nhị là câu tách biệt, nghĩa là hữu vô không hai làm tướng. Bởi vì tất cả pháp không thật có cho nên giải thích ý đối với Pháp thân ở trên, biến kế là không cho nên chẳng có tướng. Dùng không để hiển bày tự tánh cho nên chẳng phải vô tướng. Các Đức Phật không tạo tác trở xuống là hiển bày vi và vô vi không hai.

Lại cũng vốn không sinh là hiển bày Ứng thân, Hóa thân, không có hai tướng Hữu vi, Vô vi. Luận nói: “Do nghiệp phiền não chẳng phải là hành vi cho nên gọi là vô tác, vì chẳng phải phiền não tạo tác cũng chẳng phải hoặc nghiệp sinh ra cho nên nói là vô sinh, cũng hiển bày thể tự tánh Pháp thân sẵn có chẳng phải là mới sinh ra, mới tạo tác”. Pháp được nói cũng giống như vậy là vì giải thích nói pháp, lại cũng không mê đắm, bởi vì các Đức Phật Như lai đồng một sự nghiệp. Lại giải thích: Văn này giải thích “thường cứu giúp thế gian” ở trước, nếu không nói pháp làm sao cứu giúp được, vì thế trong kinh này, phần nhiều nói kinh này truyền bá rộng rãi khắp trong thế gian được nhiều lợi ích.

**Văn kinh:** Thể tôn Thể Kim cương, quyền hiện ra Hóa thân, cho nên xá-lợi Phật, không nhỏ như hạt cải, thân Phật không máu thịt, sao nói có xá-lợi.

**Tán rằng:** Hai bài sau giải thích về không có xá-lợi; Một bài rưỡi ở đầu là sự linh ngộ, nửa hàng sau hiểu là có. Đây là mở đầu.

Vì có ba nghĩa nên không có xá-lợi:

1. Vững chắc khó hủy hoại, bởi vì thể Kim cương khó bị phá hoại.

2. Là quyền biến hóa thân, các loài hóa sinh hãy còn không có thân hình khác, Phật quyền biến hiện thân, cho nên không có xá-lợi nhỏ

như hạt cải.

3. Chẳng phải là thân máu thịt làm sao có xá-lợi được.

Hỏi: Nếu nói quyền hiện vì sao Điều-đạt làm thân Phật chảy máu?

Đáp: Theo kinh Đại Phương Đẳng Vô Tướng Đại Vân, quyển bốn chép: “Vi Thiện Đức hỏi nên Thế tôn trả lời rằng: Thân máu thịt của Như lai quả thật không có máu chảy ra, Đề-bà-đạt-đa cũng không thể làm cho máu chảy ra”. Nếu nói bóng cây có máu chảy là chuyện không thể có; thân của Như lai cũng giống như thế. Nếu nói chảy máu thì nên biết rằng chính là thiện quyền phương tiện không thể suy nghĩ bàn luận.

**Văn kinh:** Phương tiện để lại cốt, vì lợi ích chúng sinh.

**Tán rằng:** Nêu ra sự lãnh hội. Dùng thần thông trí lực phương tiện khéo léo, hiện để lại xá-lợi làm lợi ích cho chúng sinh.

**Văn kinh:** Pháp thân là chánh giác, pháp giới tức Như lai, đây là chân thân Phật, cũng nói pháp như thế.

**Tán rằng:** Thứ ba kết thúc thân Phật thường trụ. Chỗ sở y của công đức và do chứa nhóm nên gọi đó là Pháp thân. Thông suốt với cả ba thân cho nên giác tánh, giác tướng đều gọi là chánh giác, là nhân của các pháp, là nương vào các pháp cho nên gọi là pháp giới. Đây là chân thân Phật, có hai nghĩa:

1. Đối với xá-lợi ba thân đều chân thật.

2. Hướng về sự biến đổi của Ứng thân, Hóa thân chẳng phải là chân thật. Thân đã như thế, Phật nói cũng giống như vậy, để nói lên chứng và nói cả hai đều đồng nhau.

**Văn kinh:** Bấy giờ, trong hội chúng có ba mươi hai ngàn vị Thiên tử nghe nói về tuổi thọ dài lâu của Như lai đều phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, vui mừng hăng hái đạt được điều chưa từng có.

**Tán rằng:** Lúc hội chúng lãnh hội đạt được lợi ích. Văn chia làm hai phần:

1. Văn xuôi nghe pháp được lợi ích.

2. Kệ tụng bày tỏ sự lãnh hội đó.

- Văn phần đầu có bốn:

1. Nêu rõ được lợi ích, ba mươi hai ngàn vị Thiên tử.

2. Bày tỏ điều đã nghe, nghe nói về tuổi thọ của Như lai.

3. Đạt được lợi ích thù thắng, đó là phát tâm Bồ-đề.

4. Tâm vui mừng phát tâm Bồ-đề.

Kinh luận đã nói nhiều ít, rộng hẹp không giống nhau, nay sơ lược

chia thành bảy mục:

1. Nhân duyên phát tâm.
  2. Phần vị phát tâm.
  3. Nghi quỹ phát tâm.
  4. Phát tâm hơn kém.
  5. Phát tâm khác nhau.
  6. Phát tâm thắng lợi.
  7. Phát tâm thí dụ.
- Nói nhân duyên lại có ba thứ:
1. Do bốn nhân.
  2. Do bốn duyên.
  3. Do bốn lực.

Đây đủ như Du-già quyển ba mươi lăm chép: Phần vị phát tâm, trong luận Đại Trang Nghiêm quyển hai và luận Hiển Dương quyển hai đều nói:

1. “Thế tục phát tâm.
  2. Thắng nghĩa phát tâm”.
- Y theo Du-già bảy mươi hai có mười thứ phát tâm, đó là:
1. Thế tục thọ phát tâm.
  2. Đắc pháp tánh phát tâm.
  3. Bất quyết định phát tâm.
  4. Quyết định phát tâm.
  5. Bất thanh tịnh phát tâm.
  6. Thanh tịnh phát tâm.
  7. Yếu kém phát tâm.
  8. Cường thành phát tâm.
  9. Vị thành quả phát tâm.
  10. Dĩ thành quả phát tâm.
- Trong này có năm cặp đối nhau:
1. Địa tiên và Địa thượng đối nhau.
  2. Thối và Không lui sụt đối nhau.
  3. Hữu nhiễm và vô nhiễm đối nhau.
  4. Bị tế bất tế đối nhau.
  5. Nhân quả vị biệt đối nhau.

Thoái và không lui sụt y theo bốn địa vị mà hiểu, đó là tín không lui sụt v.v... nhiễm và bất nhiễm đối nhau y theo trước khi trụ không lui sụt. Trước khi trụ không lui sụt có khi tùy theo người khác, hoặc bị người khác ép ngặt, hoặc sợ hãi, hoặc cuồng loạn, hoặc cầu lợi dưỡng



thế gian, nên theo đó phát tâm gọi là nhiếp, trái lại với ở đây gọi là bất nhiếp. Trước noãn vị, dẫn vị các tham che lấp gọi là liệt, ở địa vị Đệ nhất nhãn không bị các thứ kia che lấp gọi là thắng. Thập Địa gọi là vị thành quả, Phật địa gọi là dĩ thành quả. Về nghi quỹ, trong Du-già chỉ nói: “Phát tâm như thế, nói lời như thế, con nguyện chắc chắn sẽ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề”. Không nói về nghi quỹ nhưng phân biệt rõ hành tướng.

Y theo luận Hiển Dương hai chép: “Nói Như Thị, một là tùy theo người trí trước đó, cung kính mà trụ khởi ý tăng thượng phát lời thệ nguyện, nhớ nghĩ bậc trưởng lão, hoặc nói nhớ nghĩ bậc Thánh, hoặc nói Ô-ba-đà-da rằng: Con tên là v.v... kể từ hôm nay bắt đầu phát tâm A-nậu Bồ-đề, vì muốn lợi ích cho tất cả chúng sinh. Từ hôm nay về sau con thường nguyện tu tập sáu Ba-la-mật tất cả muôn hạnh, đều vì chứng được Vô thượng Bồ-đề. Nay con cùng với các vị Bồ-tát Ma-ha-tát hòa hợp xuất gia, nguyện Thế tôn chứng minh biết rõ, con là Bồ-tát”.

Lần thứ hai thứ ba cũng nói như vậy. Đây là nói về nghi quỹ phát tâm của người thế tục, không thấy nói nghi quỹ phát tâm của người xuất gia. Thứ tư là phát tâm hơn kém, trong luận Đại Trang Nghiêm chép: “Đệ-nhất-nghiã phát tâm có ba thứ thù thắng:

1. Giáo thọ thắng, bởi vì gần gũi Đấng Chánh Biến Tri.
2. Tùy tu thắng, là khéo chứa nhóm phước trí.
3. Đắc quả thắng, sinh khởi trí vô phân biệt.

- Lại có sáu thù thắng:

1. Sinh vị.
2. Nguyện.
3. Mạnh mẽ.
4. Tịnh ý.
5. Dư xảo.
6. Dự xuất.

- Sinh thắng có bốn:

1. Chủng tử thắng, là tin đại pháp làm chủng tử.
2. Sinh mẫu thắng, vì Bát-nhã làm mẹ sinh ra.
3. Thai tạng thắng, vì đại thiên định an vui làm thai tạng.
4. Nhũ mẫu thắng, vì đại bi nuôi lớn làm vú nuôi.

Nguyện tức mười nguyện lớn đều phổ biến như luận kia trình bày.

Thứ năm là phát tâm khác nhau. Theo kinh Kim cương Bát-nhã nói có ba thứ, đó là vì sao nói trụ (Tức là muốn nguyện), vì sao nói tu

hành (tức vì nguyện cho nên tu hành), vì sao nói hàng phục tâm đó (tức là vì tu hành cho nên đoạn chướng), vì vậy kinh ấy chép: “Cần phải phát khởi tâm như thế”. Du-già quyển ba mươi lăm nói có năm loại:

1. Tự tánh.
2. Hành tướng.
3. Sở duyên.
4. Công đức.
5. Tối thắng.

Tức là dùng chánh nguyện làm tự tánh, đối với Bồ-đề, Niết-bàn nhất định tự mình mong cầu, và cầu có khả năng làm việc nghĩa lợi cho hữu tình. Mong cầu là hành tướng lấy đại Bồ-đề và các hữu tình làm cảnh sở duyên. Phát tâm đầu tiên có thể thâm nhiếp tất cả Bồ-đề phần pháp gốc lành thù thắng, là những công đức thượng thủ tương ứng với chánh nguyện lúc đầu, là sự diệu thiện chánh trí bậc nhất đối với những mong cầu của thế gian và xuất thế gian. Luận Đại Trang Nghiêm quyển hai chép: “Bồ-tát phát tâm lấy gì làm cội gốc cho đến lấy gì làm rốt ráo? Nói chung có mười một thứ:

1. Lấy đại bi làm cội gốc.
2. Lấy lợi ích chúng sanh làm y chỉ.
3. Lấy pháp Đại thừa làm niềm tin.
4. Lấy chủng trí làm sở duyên.
5. Vì mong cầu điều đó cho nên lấy hy vọng thù thắng làm sở thừa.
6. Muốn vô thượng thừa cho nên lấy đại che chở làm sở trụ.
7. Trụ nơi giới Bồ-tát cho nên lấy ái làm chướng nạn.
8. Khởi tâm dị thừa cho nên lấy điều lành thêm lớn làm công đức.
9. Lấy phước trí làm tự tánh.
10. Lấy thói quen vượt qua làm xuất ly.
11. Lấy địa vị đầy đủ làm rốt ráo.

Bởi vì địa địa siêng năng phương tiện tương ứng với các thứ ấy”.

Theo văn kinh-thù Vấn Bồ-đề Tâm có mười thứ phát: “

1. Thân phát.
2. Khẩu phát.
3. Ý phát, khiến cho ba nghiệp thanh tịnh.
4. Nội phát, vì không luống phân biệt tất cả chúng sinh.
5. Ngoại phát, đối với tất cả phát sinh hạnh bình đẳng.
6. Trí phát, vì sẵn có trí Phật thanh tịnh.

7. Thanh tịnh quốc độ phát, vì nêu rõ tất cả cõi nước trang nghiêm của các Đức Phật.

8. Giáo hóa chúng sinh phát, vì biết thuốc trị bệnh tất cả phiền não, đây là biết pháp đối trừ.

9. Thật phát, bởi vì thành tựu nhóm định, đây là tùy căn cơ mà nói pháp.

10. Vô vi trí mãn túc tâm phát, vì không mê đắm ba cõi”.

- Dựa theo luận Phát Bồ-đề Tâm có bốn phát tâm:”

1. Suy nghĩ về các Đức Phật nên phát tâm Bồ-đề.

2. Quán sát thân lỗi lầm hoạn nạn.

3. Thương xót chúng sinh.

4. Cầu quả tối thắng”.

Trong bốn thứ phát tâm mỗi thứ đều có năm loại, đều mở rộng như hai luận kia đã trình bày. Nay trong bốn duyên phát tâm đây là duyên thứ nhất, bởi vì thấy nghe công đức thần thông của các Đức Phật, Bồ-tát, trong bốn nhân đây là nhân thứ nhất và thứ hai, vì sẵn có chủng tánh, vì các Đức Phật, Bồ-tát và bạn lành thâm nhiếp; trong bốn lực có thể đầy đủ cả bốn lực, bởi vì từ công năng thế lực của chủng tử, vì vốn có tu tập Đại thừa, do nghe người khác nói về lực, bởi vì gần gũi bạn lành. Vui mừng hớn hở, theo luận Văn-thù Sở Vấn Kinh chép: “Vì ba thứ nghĩa nên vui mừng phụng hành:

1. Người nói thanh tịnh, vì đối với các pháp được tự tại.

2. Pháp được nói thanh tịnh, vì pháp thể thanh tịnh như thật trí, lại vì tương ứng với mười thứ thanh tịnh thù thắng ở ba bậc Sơ, Trung, Hậu.

3. Dựa vào pháp đã nói đạt được quả thanh tịnh, vì đạt được cảnh giới tốt đẹp”.

Ý này là nương theo giáo chứng lý đặc quả.

**Văn kinh:** Tất cả đồng thanh nói tụng rằng: Phật không nhập Niết-bàn, chánh pháp cũng không diệt, vì lợi ích chúng sinh, thị hiện có diệt tận. Thế tôn không nghĩ bàn, tướng diệu thể không khác, vì lợi ích chúng sinh, hiện tất cả trang nghiêm.

**Tán rằng:** Nói rõ sự lãnh hội. Một bài nói về lãnh hội sự thường trụ, một bài nói về lãnh hội sự hiện bày các tướng.

**Văn kinh:** Lúc đó, Bồ-tát Diệu Tràng ở trước Đức Phật và bốn Đức Như lai, hai vị Đại sĩ và tất cả Thiên tử, nghe nói về tuổi thọ của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni xong.

**Tán rằng:** Từ đây trở xuống đoạn văn thứ hai nói riêng về Niết-

bàn. Văn chia làm ba phần:

1. Nói rõ nghi ngờ bắt đầu thưa hỏi.
2. Phật giải thích.
3. Lĩnh ngộ được lợi ích. Văn phần một có hai:

Đầu tiên kết thúc những điều đã nghe trước đó, sau là thưa hỏi điều nghi ngờ.

Đây là mở đầu.

**Văn kinh:** Lại đứng dậy khỏi chỗ ngồi, chắp tay cung kính bạch Phật: Bạch Thế tôn! Nếu quả thật như vậy thì các Đức Phật Như lai không nhập Niết-bàn, không có xá-lợi?

- Tán rằng: Thưa hỏi có năm:

1. Thỉnh pháp nghi.
2. Nhắc lại những điều đã nghe.
3. Nêu vấn hỏi trái ngược.
4. Kết thúc ý nghi ngờ.
5. Thỉnh giải đáp.

Đây là mở đầu, có hai:

**Văn kinh:** Vì sao trong kinh nói có Niết-bàn và xá-lợi Phật, khiến cho các hàng trời người cung kính cúng dường các Đức Phật quá khứ, thân cốt hiện có truyền bá khắp nơi trên thế gian, trời người cúng dường được phước vô biên?.

**Tán rằng:** Nêu ra sự chất vấn trái ngược, có ba ý:

1. Vì sao gọi là Niết-bàn.
2. Vì sao không nhập.
3. Đã không nhập Niết-bàn vì sao lại nói để lại thân xá-lợi.

- Đây là nêu ra hai điều trái ngược:

1. Trái với lời dạy.
2. Trái với thế gian.

Thế gian tức là xá-lợi hiện có của các Đức Phật quá khứ.

**Văn kinh:** Nay lại nói không có, đến nỗi sinh ra nghi ngờ, cúi mong Đức Thế tôn thương xót chúng con mà giải thích rộng.

**Tán rằng:** Hai đoạn văn về kết thúc nghi ngờ thỉnh cầu phán quyết.

**Văn kinh:** Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Diệu Tràng và tất cả đại chúng rằng: Các vị nên biết rằng nói nhập Niết-bàn có xá-lợi là nói theo mật ý: Nghĩa như vậy nên nhất tâm lắng nghe.

**Tán rằng:** Đức Phật giải thích, văn chia làm ba đoạn:

1. Vì có nghi ngờ nên bảo lắng nghe.

2. Chính thức giải thích.

3. Diệt hạnh như thế các người siêng năng tu tập, trở xuống là phần kết thúc khuyên nhắc tu học.

Đây là mở đầu.

Nói có xá-lợi là nói mật ý. Theo luận Tập Tập quyển mười hai chép: “Bí mật có bốn:

1. Khiến đi vào.

2. Tương.

3. Đối trị.

4. Chuyển biến”.

- Đối trị có tám:

1. Chương khinh Phật.

2. Chương khinh pháp.

3. Chương biếng nhác.

4. Chương vui mừng đối với gốc lành ít ỏi của mình.

5. Chương tham hành.

6. Chương chậm chạp thực hành.

7. Chương gây ra điều ác.

8. Chương bất định tánh.

Nay ở đây vì dứt bỏ hai loại chương khinh Phật và biếng nhác cho nên vì vậy nói nhập Niết-bàn. Lưu thân xá-lợi gọi là mật ý. Nhất tâm lắng nghe là nhắc nhở lắng nghe, nghe âm tai chú ý, cho nên dứt sạch thân nhiếp giữ gìn sinh ra ba tuệ.

**Văn kinh:** Nay người thiện nam! Như vậy các Bồ-tát Ma-ha-tát nên biết rằng mười pháp đó có thể hiểu được nghĩa lý chân thật về rốt ráo đại Nhập Niết-bàn mà Đức Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã nói.

**Tán rằng:** Chính thức giải thích có ba:

1. Giải thích về Thể Niết-bàn.

2. Nói về tướng Niết-bàn, tức là hiển bày không nhập.

3. Giải thích lý do không nhập Niết-bàn và để lại xá-lợi.

Đây là mở đầu.

Hỏi: Vì sao trước đây nói về Thể Niết-bàn, sau đó nói về Tướng Niết-bàn?

Đáp: Nói về Thể tức là hiển bày dựa vào ba việc nói rằng có Niết-bàn khác nhau, thân trí diệt xứ của Nhị thừa gọi là Niết-bàn. Nói về tướng tức là rõ ràng có đại bi trí khác nhau, Nhị thừa nhập vào nơi mãi mãi vắng lặng cho nên hạnh hy hữu. Nói về Thể có ba lần giải thích:

1. Giải thích theo ba việc, bốn Niết-bàn, đương thể v.v...

2. Giải thích dựa theo xoay vần chứng đắc.
  3. Giải thích theo nhân viên năng chứng.
- Nghĩa của Niết-bàn sơ lược phân biệt theo năm phần:

1. Nêu và giải giải thích.
2. Đưa ra thể.
3. Phân biệt rõ người chứng đắc.
4. Phân biệt rõ thời gian chứng đắc.
5. Hỏi và đáp.

- Đầu tiên nêu và giải giải thích có hai mục:

1. Nêu ra.
2. Giải thích.

- Trong mục nêu ra có hai mục nhỏ:

1. Chung.
2. Riêng.

Chung là Nê-hoàn, có kinh gọi là Nê-hoàn, có kinh gọi là Nê-viết, đều do lầm lẫn từ tiếng Phạm, đúng phải gọi là Ba-lợi-ni-phước-bộ; đời Đường dịch là Viên Tịch, cũng gọi là Ba-lợi-thấp-bà-nam, lại cũng dịch là Diệt Độ, cũng dịch là Thanh Tịnh, cũng dịch là Bỉ Ngạn.

Trong kinh Niết-bàn cũng gọi nhiều tên như Vô Sinh, Vô Xuất, Vô Tác, Vô Vi, Quy y, Quật Trạch, Giải Thoát, Chuyển Y v.v... Nêu ra trên khác, có Duy Y Bất Cộng, trong phần Đoạn Quả của Nhiếp luận chỉ nói Vô Trụ. Trong kinh Niết-bàn và kinh này nói Đại Niết-bàn. Có nơi y theo người năng chứng đại, tiểu để phân biệt. Trong kinh Niết-bàn nói có hai thứ:

1. Tiểu.
2. Đại.

Sở đắc của Nhị thừa gọi là tiểu Niết-bàn, sở đắc của Đại thừa gọi là Đại Niết-bàn. Có nơi y theo chung, riêng đối nhau.

- Trong luận Thập Địa nói có hai loại:

1. Tướng chung.
2. Tướng riêng.

Tướng riêng tức là ba Niết-bàn khác. Có nơi nói theo nhân quả ba thừa đồng dứt bỏ phiền não, có hai. Trong kinh Thắng-man chỉ nói hai thứ, đó là Hữu dư y và Vô dư y.

Lại có nơi y cứ theo sự khác nhau giữa Chứng và Bất Chứng, chỉ nói hai thứ, tức trong Nhiếp Luận dịch vào đời Lương chép:

1. “Tự Tánh Tịnh, là loại đầu tiên trong bốn loại.
2. Phương Tiện Tịnh, là ba loại sau trong bốn loại”.

Có nơi y theo Cộng và Bất cộng nói có ba thứ, tức là ba thứ trong kinh này, đó là Hữu, Vô dư và Vô trụ xứ. Có nơi nói theo Chứng và Bất chứng, ba thừa chung riêng tận ý có bốn thứ, tức trong Nhiếp Luận dịch vào đời Lương, luận Thành Duy Thức v.v... nói:

1. “Tự tánh thanh tịnh.
2. Hữu Dư y.
3. Vô dư y.
4. Vô trụ xứ”.

Giải thích tên gọi đúng là phải gọi Ba-lợi-ni-phước-nam, hoặc Niết-bà-nam, dịch đúng phải là Viên Tịch, Viên nghĩa là Tròn đầy, đầy đủ các công đức, trọn vẹn lý sở chứng, trọn vẹn năng sở chứng; Tịch nghĩa là Tịch tĩnh, tự thể sâu lắng lia các ồn ào, cùng thông suốt năng chứng, sở chứng. Nhưng tùy theo công đức thù thắng tăng lên gọi là Viên, quả vị đầy đủ cho nên lý thể xứng hợp là Tịch, vốn là ngưng đọng. Bởi vì trọn vẹn nhiều đức mới chứng lý tịch tĩnh, nên gọi là Viên Tịch. Nếu hoàn toàn viên tịch tức là vừa viên vừa tịch gọi là viên tịch, là đó là trì nghiệp thích. Hoặc từ viên có thể chứng được tịch của viên gọi là viên tịch, tức là y chủ thích.

Lại nếu công đức năng viên năng tịch, hoặc sở y như sở viên, sở tịch, đều là trì nghiệp thích. Hoặc dựa theo Duy Thức, chỉ có lý chân như làm thể của Niết-bàn hoặc là tịch của viên, hoặc sở viên sở tịch. Nếu dựa theo kinh Niết-bàn thì nói ba việc gọi là Đại Niết-bàn, tức là trí như giải thoát đều viên tịch và được trì nghiệp. Vì trong kinh ấy nói chữ Như là chẳng phải một, chẳng phải khác, chung cho các pháp Giả, Thật, Tánh, Tướng đều gọi là viên tịch và trì nghiệp danh. Giải thoát là nghĩa giả, Bát-nhã là Tướng, Pháp thân là Tánh. Hoặc y theo nghĩa, ba tên gọi là ba việc, tức Bát-nhã là y chủ, còn lại đều là trì nghiệp. Nhưng tên gọi Niết-bàn là trì nghiệp thích. Nói Diệt Độ, Độ tức là đến, giải thích theo hai nghĩa:

1. Nói rằng chân như xưa nay vốn thanh tịnh, tánh là bửu ngạn gọi là đến, vì thế trong kinh Duy-ma chép: “Tất cả chúng sinh tức là tướng Niết-bàn, không còn bị hoại diệt.”

2. Cho rằng Diệt là Sở đáo, Độ là năng đáo, tức là Diệt của Độ là y chủ thích.

Lại nữa, năng diệt năng độ, sở diệt sở độ, độ là đến, cho nên có cả năng sở, năng diệt năng độ tức là tướng Niết-bàn, sở diệt sở độ tức là tánh Niết-bàn, cùng là ba việc của đại Niết-bàn mà thành tự. Kinh Niết-bàn chép: “Không có nhân duyên cho nên gọi là vô sinh, vì vô vi

nên gọi là vô xuất, không tạo nghiệp nên gọi là vô tác, các tên gọi khác theo đó có thể biết”. Giải thích tên khác, chẳng do tuệ trạch, bản thể không nhiễm gọi là tự tánh thanh tịnh Niết-bàn, đồng với tự tánh thanh tịnh ở trước tức là Niết-bàn trì nghiệp thích. Dư nghĩa là khổ đế, là phần còn lại của Tập, Hữu nghĩa là chẳng không, Y là Sở y, có hai sở y:

1. Hiện thân vẫn dư hành khổ y.

2. Danh có dư y nói về Niết-bàn vẫn có sở y của khổ còn lại, tức là có sở y của khổ còn lại.

Niết-bàn đều là y Chủ thích. Khổ tập đều hết gọi là Vô dư, không còn khổ y khác, vô là không, chẳng có khổ y, tức là không còn sở y của khổ. Niết-bàn cũng đều là y Chủ thích, nhờ giải thích nên hiển bày.

Lại giải thích cách khác: Hữu dư vô dư năng chứng cho nên nêu kia để hiển bày đây, chính là chọn lấy sở y gọi là Niết-bàn, nghĩa là có sở y của khổ còn lại tức là Niết-bàn, không còn sở y của khổ còn lại tức là Niết-bàn, đều là trì nghiệp thích. Dựa vào Nhị thừa vô dư y không thể giải thích. Nếu bốn trí Đại thừa là vô khổ y, cũng có thể chứng, có thể được y chủ giải thích điều này là chính.

Do bi không trụ Niết-bàn, do trí không trụ sinh tử, bởi vì năng chứng đó như sự thấu suốt đều không trụ cho nên nói là vô trụ. Sở y tức là Niết-bàn, hoặc từ chân như ở sinh tử mà không dính mắc, ở Niết-bàn nhưng không đắm, Niết-bàn là tướng, chân như là tánh. Giống như tự tánh Pháp thân khác với tánh tướng chân như, ngay nơi tướng thuộc về tánh. Vô trụ Niết-bàn là y Chủ thích. Lại chính tướng này cũng đều vô trụ cũng có thể nói rằng vô trụ tức là Niết-bàn. Nhưng luận Duy Thức nói bốn Niết-bàn đều lấy Như làm thể, tức là nhiếp nghĩa quy tánh đều trì nghiệp thích.

Thứ đến nêu ra Thể, trước là trình bày theo lối xưa để nói rõ theo cách hiện tại. Trình bày về xưa, Pháp Sư Cơ ở đất Thục nói: “Pháp sư Đàm-vô-sấm và Pháp sư Đạo Lãng ở Hà Tây nói: Bởi lẽ Niết-bàn là thường lạc ngã tịnh làm nơi nhóm họp của tông nghĩa, mở bày rốt ráo huyền trí làm cội rễ của Niết-bàn. Đây là giải thích được nghĩa không phải chính thức nói về thể”.

Tam tạng Chân-đế nói: “Niết-bàn có bốn, ba loại là đạo quả, một loại không phải đạo quả, vì thành tựu Bồ-tát Bát-nhã đại bi Niết-bàn của Bồ-tát mà thành đạo quả, từ Sơ địa trở lên trí vô phân biệt là thể của Niết-bàn”. Cũng có chỗ nói: “Bi trí là thể, ở đây chỉ là tướng”. Đây là năng chứng, chẳng phải là chính. Kinh Niết-bàn chép: “Sở đắc của liễu nhân Niết-bàn chẳng phải sinh nhân đắc, nếu trí là Niết-bàn thì tức



là sinh nhân đắc”. Đại sư Hà Sóc ở Nghiệp Thành, hoặc nói Niết-bàn có đủ bốn loại thể:

1. Lý diệt nghĩa là chân như pháp giới.
2. Sự diệt nghĩa là lìa ba chương của diệt thường diệt.
3. Đức diệt nghĩa là công đức vắng lặng.
4. Ứng diệt nghĩa là ở song lâm thị hiện diệt độ đồng với chúng sinh vô thường.

Ba loại đầu có thể như vậy. Thành Duy Thức chép: “Đều lấy Như làm thể”, tức là Lý diệt. Lại nói hai loại giữa thuộc về trạch diệt, tức là diệt của sở diệt. Nhưng ý người xưa, trạch diệt là sự sở biến của sự thức, tức chẳng phải Niết-bàn. Đại Nhập Niết-bàn, phần nhiều người xưa lấy Như thị Bát-nhã tánh nói Như là Bát-nhã, không khác với lý, chẳng nhọc phân biệt mà nói. Nếu theo ba việc gọi là Đại Niết-bàn, Bát-nhã tức là Đức diệt, nhưng không nói lý do trái với liễu nhân đắc, nói chẳng phải rốt ráo. Ở đây chính thức nêu ra thể có bốn loại:

1. Tánh tướng luận riêng thể.
2. Tánh tướng hợp luận thể.
3. Nhiếp giả tòng thật thể.
4. Giả thật hợp luận thể.

Về tánh tướng luận riêng thể, trong luận Thành Duy Thức nói bốn thứ Niết-bàn đều lấy chân như làm thể, đức hữu vi chẳng phải phi.

Lại thể nghĩa phần, tự tánh vô trụ tức là thể chân như vậy. Hai loại giữa đều là trạch diệt. Lại đoạn trí chương có lẽ đạt được trạch diệt, tức là vô trụ xứ cũng thuộc về trạch diệt. Tuy là giả đối với tướng y tha đều được gọi là tánh, đều là liễu nhân đạt được thể, nghĩa đều thường hằng, do đó ba việc Đại Nhập Niết-bàn đều chọn lấy nghĩa thứ ba, và lấy Như làm thể. Về tánh tướng hợp luận thể tức Bát-nhã giải thoát cho đến chân như đều là thể Niết-bàn, tức là ba việc trong kinh Niết-bàn gọi là Đại Bát. Nói chữ Như ấy cũng như ba mục, hoặc chỉ nói Như chỉ là một, chẳng phải khác.

Trong luận Tạp Tập chép: “Tướng diệt đế có nghĩa là chân như thánh đạo, phiền não không sinh, hoặc diệt y, hoặc năng diệt, hoặc diệt tánh, là tướng của diệt đế, tướng nghĩa là thể tướng năng diệt, sở diệt. Diệt diệt y đều gọi là diệt đế”. Năng diệt tức là Bát-nhã, diệt não tức là giải thoát trạch diệt, diệt y tức là chân như. Nhưng luận đó lại chép: “Nghĩa là trong cảnh chân như hữu lậu không sinh gọi là diệt đế, tức là nói theo khắc tánh”. Ở trước y theo tướng từ tánh mà hợp thuyết. Về nhiếp giả tòng thật thể tức là trong luận Duy Thức chép: Ở đây dựa

theo chân như lìa chướng mà thiết lập. Thể tức là thanh tịnh pháp giới. Bốn Niết-bàn đều lấy chân như làm thể. Về giả thật hợp luận thể tức trong luận Duy Thức chép: Trong bốn Niết-bàn hai loại đầu và cuối tức là chân như. Y theo thật thể thì hai loại giữa thuộc về trạch diệt. Trạch diệt là giả hoặc vô trụ xứ nói là trạch diệt, tức là ba giả một thật đều là thể của Niết-bàn. Lại theo luận Thành Duy Thức hai, chép: Vô Vi có hai loại:

1. Y thức biến.
2. Y chân như.

Bốn loại Niết-bàn cũng đã cho rằng ba loại sau thuộc về vô vi, cũng không qua thức biến. Còn sáu vô vi đều thừa nhận là thức biến. Thể tự tánh thanh tịnh chính là chân như, nên giống như trạch diệt cũng cho là thức biến. Lại giải thích, trong kinh Thâm Mật chép: “Các thức sở duyên duy thức sở hiện”, có thể cùng cho là thức biến. Bởi vì Niết-bàn chẳng phải chân cho nên chẳng phải liễu nhân đắc, do đó các kinh luận không nói Niết-bàn cũng là thức biến. Nhưng Hữu dư, Vô dư tuy đều là trạch diệt hưởng về nghĩa lại có phân biệt, chia làm hai loại, mà lại có năm cặp đối:

1. Phiền não và nhân quả đối, nhân phiền não không còn thì gọi là hữu dư, quả phiền não dứt sạch thì gọi là vô dư.

2. Đại và tiểu đối, sở đắc của Tiểu thừa gọi là hữu dư, sở đắc của Đại thừa gọi là vô dư, kinh Thắng-man chép: “Hàng A-la-hán dứt tập hữu dư, chứng diệt hữu dư”.

3. Hai tử đối, phần đoạn diệt được hữu dư, biến dịch diệt gọi là vô dư, tức là cặp đối đại, tiểu trước đây.

4. Mãn và bất mãn đối, sở đắc của Bồ-tát gọi là Hữu Dư, sở đắc của Như lai gọi là Vô Dư, trong kinh Thắng-man chép: “Hậu thân của Bồ-tát bị vô minh che lấp, dứt tập hữu dư, chứng diệt hữu dư gọi là tiểu phần Niết-bàn”, tiểu phần Niết-bàn tức là hữu dư.

5. Ba thân tương đối, kinh này có nói “Hai thân Ứng, Hóa gọi là hữu dư, Pháp thân gọi là vô dư”, trong các kinh luận phần nhiều nói cặp đối đầu tiên là hai Niết-bàn, các loại nghĩa còn lại như Bốn Pháp Hoa và Duy Thức Số có phân tích. Nay trong văn này phần nhiều y cứ theo vô trụ gọi là Đại Niết-bàn, trong Nhiếp Luận phân tích quả đoạn kia cũng.

Theo kinh Pháp Tập một chép: “Bồ-tát Vô Sở Phát trả lời Bồ-tát Phấn Tấn Tuệ có mười pháp biết Như lai là thường, mười pháp biết Như lai là thật, mười pháp biết Như lai là Niết-bàn”. Có ba lần lại nữa, chính

là đồng với chỗ này nhưng ít rộng, cũng có hai lần lại nữa, mười pháp biết hạnh Như lai, lần thứ nhất văn lược bỏ, lần thứ hai văn phần nhiều đồng với kinh này, nhưng văn rộng hơn đôi chút. Trong ba lần lại nữa nói về Niết-bàn, thì lại nữa lần thứ nhất văn có phần rộng hơn, chỉ có hàng thứ tư kinh kia nói: Không dứt còn kinh này nói ngừng dứt, Tam Tạng Phúc Kiểm cũng nói điều đó không biết, còn lại đều giống nhau.

Lại có mười pháp biết không, mười pháp biết tướng thí dụ v.v... Nhưng bốn lần lại nữa văn đều có bốn phần:

1. Tiêu.
2. Trưng.
3. Thích.
4. Kết.

Trong Tiêu, đầu tiên là đối cơ, tiếp theo là mở bày, cuối cùng là lựa chọn. Nói Bồ-tát là đối cơ, vì hàng Nhị thừa nói về giả Niết-bàn, vì hàng Đại thừa nói về Đại Niết-bàn. Mười pháp tức là mở ra thứ lớp nói có rốt ráo đại Nhập Niết-bàn, chọn sở đắc khác với Tiểu thừa nên Niết-bàn gọi là đại bát. Văn nói mười pháp ấy đáng lẽ gọi là mười nghĩa là Niết-bàn. Thường biết như thế tức là có thể hiểu rõ Niết-bàn Như lai đã nói. Đại ý trong này là tánh tướng Niết-bàn đều gọi là Niết-bàn, giống như Bồ-đề, Bồ-đề đoạn đều gọi là Bồ-đề. Ba việc trong kinh Niết-bàn đều là Niết-bàn, như các luận Thành Duy Thức v.v... Bốn Niết-bàn đều là chân như. Bốn trí tâm phẩm gọi là Bồ-đề là tánh tướng luận riêng môn. Mười pháp tức là mười đoạn, các lần tiếp theo đều suy nghĩ biết được.

**Văn kinh:** Những gì là mười?.

**Tán rằng:** Nêu ra.

**Văn kinh:**

1. Các Đức Phật Như lai cuối cùng dứt sạch phiền não chướng, các sở tri chướng cho nên gọi là Niết-bàn.
2. Các Đức Phật Như lai khéo léo thường hiểu rõ hữu tình vô tánh và pháp vô tánh nên gọi là Niết-bàn.
3. Thường chuyển thân y và pháp y cho nên gọi là Niết-bàn.
4. Đối với các loài hữu tình nhậm vận nghĩ ngơi, thay đổi nhân duyên nên gọi là Niết-bàn.
5. Chứng đắc tướng chân thật vô khác nhau bình đẳng pháp thân nên gọi là Niết-bàn.
6. Hiểu rõ sinh tử và Niết-bàn không có hai tánh nên gọi là Niết-bàn.

7. Đối với tất cả các pháp hiểu rõ cội rễ, chứng đạt thanh tịnh nên gọi là Niết-bàn.

8. Đối với tất cả các pháp không sinh không diệt cố gắng tu hành nên gọi là Niết-bàn.

9. Chân như pháp giới thực tế bình đẳng, đạt đến chánh trí nên gọi là Niết-bàn.

10. Đối với tánh các pháp và tánh Niết-bàn đạt được không khác nhau cho nên gọi là Niết-bàn.

Đó là mười pháp nói có Niết-bàn.

**Tán rằng:** Ba pháp đầu tiên giải thích theo ba việc. Cuối cùng dứt sạch phiền não sở tri tức là giải thoát, hiểu rõ hữu tình và pháp vô tánh tức là Bát-nhã, thường chuyển thân y và pháp y đó là Pháp thân, ba việc chẳng phải một, chẳng phải khác, gọi là đại Nhập Niết-bàn. Thân tức là lưu chuyển, hoàn diệt y thứ tám, pháp tức chân như, tức mê ngộ y.

Từ đó tạng thức giữ lấy chủng tử các chướng, nêu rõ sự tốt đẹp của Pháp thân nên chuyển thức thứ tám hợp với Như.

Ba pháp tiếp đó y cứ theo bốn Niết-bàn.

Thứ tư là thị hiện vô dư hóa sự nghỉ ngơi, tức là thân tám tướng thị hiện nhập vô dư. Theo kinh Pháp Tập chép: “Hóa sinh không nghỉ ngơi, tức Niết-bàn hữu dư”.

Thứ năm tức là vô dư, vì nói chứng đắc. Hoặc thứ tư cũng đồng với kinh Pháp Tập chép. Hoặc là trong luận Biện Trung Biên chép: “Hai là tướng thật của tướng chân thật tự tánh thanh tịnh Niết-bàn không khác nhau”. Tướng tức là trong luận Duy Thức chép: “Tướng chân như lý, ở hạng phạm phu không thể chứng đắc, các Đức Phật chứng được”.

Thứ sáu là vô trụ Niết-bàn, hiểu rõ sinh tử cho đến Niết-bàn không có hai tánh. Tánh tức là tánh chân như không khác nhau cho nên hai cũng không khác, do đó không trụ vào sinh tử, Niết-bàn.

Thứ bảy trở xuống bốn nghĩa dựa vào ba tánh chung, riêng mà trình bày, nói rằng đối với tất cả các pháp hiểu rõ cội gốc, chứng được thanh tịnh cho nên là chung. Luận Biện Trung Biên chép: “Trong này vì sao nói cội gốc chân thật, đó là ba tự tánh sau khi đạt được năng chứng biến kế y tha thanh tịnh, bản trí năng chứng viên thành thanh tịnh”.

Thứ tám dựa vào biến kế biểu hiện nói đối với tất cả các pháp không sinh không diệt. Kinh Giải Thâm Mật chép: “Đối với tất cả các pháp không sinh không diệt, vì hiểu rõ tướng Chuyển chánh pháp luân, dựa vào biến kế nói hiểu rõ các pháp là không, nên thường đứng đảnh tu hành”.

Thứ chín là chọn lấy năng chứng chân như bình đẳng vô lậu chánh trí, dựa vào phần tịnh của tánh y tha khởi nói về tướng Niết-bàn, nên gọi là Niết-bàn, nhiệm chẳng phải là năng chứng cho nên chẳng phải Niết-bàn.

Thứ mười đối với hai tánh đó đạt được không khác nhau, ý là chọn lấy sở đắc. Đắc là chứng đạt lý không khác nhau, chứng tánh viên thành thật. Đó là các pháp biết kết hợp nói có Niết-bàn.

**Văn kinh:** Lại nữa, này người thiện nam! Các Bồ-tát Ma-ha-tát phải biết như thế. Lại có mười pháp có thể hiểu được lý thú chân thật mà Đức Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói có rốt ráo đạt Nhập Niết-bàn.

**Tán rằng:** “Lại nữa” lần thứ hai y theo triển chuyển thích. Đoạn văn như trước.

**Văn kinh:** Những gì là mười?

**Tán rằng:** Dẫn ra.

**Văn kinh:**

1. Tất cả phiền não lấy lạc dục làm gốc, từ lạc dục phát sinh, các Đức Phật Thế tôn dứt trừ lạc dục nên gọi là Niết-bàn.

2. Vì các Đức Như lai dứt trừ các lạc dục không giữ lấy một pháp nào, vì không giữ lấy cho nên không đi không đến, không hề giữ lấy, cho nên gọi là Niết-bàn.

3. Vì không đi không đến và không gì giữ lấy cho nên Pháp thân không sinh không diệt, không có sinh diệt nên gọi là Niết-bàn.

4. Không sinh diệt này chẳng ngôn ngữ nào diễn đạt được, vì dứt bất ngôn ngữ nên gọi là Niết-bàn.

5. Không có ngã nhân, chỉ có pháp sinh diệt được chuyển y nên gọi là Niết-bàn.

6. Phiền não tùy hoặc đều là khách trần, pháp tánh là chủ, không đến không đi, các Đức Phật hiểu rõ tất cả cho nên gọi là Niết-bàn.

7. Chân như là thật, còn lại đều là luống dối, thể thật tánh ấy tức là chân như, tánh chân như ấy tức là Như lai, gọi là Niết-bàn.

8. Tánh của thật tế không hý luận, chỉ có một mình Như lai chứng pháp thật tế, dứt hẳn hý luận gọi là Niết-bàn.

9. Không sinh là thật, sinh là luống dối, người ngu si trôi nổi chìm đắm trong sinh tử, thật thể Như lai không có luống dối gọi là Niết-bàn.

10. Pháp không thật, từ duyên sinh ra, pháp chân thật không theo duyên mà khởi, thể Pháp thân của Như lai là chân thật, gọi là Niết-bàn.

Này người thiện nam! Đó là mười pháp nói có Niết-bàn.

Tán rằng: Giải thích, tất cả phiền não lạc dục là gốc rễ, như kinh Niết-bàn chép: “Các pháp nhiễm tịnh đều lấy dục làm gốc”. Nhờ vào pháp lành lấy dục làm cội gốc; khởi các pháp nhiễm cũng nói giống như pháp tịnh, nên chọn lấy văn đó. Bởi vì Đức Phật có khả năng đoạn chứng, hiển bày lý gọi là Niết-bàn.

Kế là nói không giữ lấy pháp, tức là bởi vì không ham muốn đối với tất cả cảnh giới không sinh ra yêu đắm, đã không yêu đắm cho nên không còn sinh ra, không hướng đến nơi sinh đi, không quay lại nơi này sinh đến, sở thủ tức là nắm uẩn. Trước y theo nhân mất ở đây y theo quả diệt. Lý đã hiển bày gọi là Niết-bàn.

Ba là dựa vào hữu lậu diệt tận, chân như hiện bày, đó là công đức y, gọi là Pháp thân, vì thế trong kinh Thắng-man chép: “Còn trong ràng buộc gọi là Như lai tạng, ra khỏi ràng buộc gọi là Pháp thân”. Không đi không đến là y cứ theo không có tướng hữu vi mà nói, còn không có sở thủ là dựa vào thể của sắc uẩn v.v... mà nói, hiển bày Vô sở này chính là Niết-bàn.

Bốn là theo thể Niết-bàn, lia tánh ngôn thuyên, gọi là Niết-bàn.

Năm là lia ngôn thuyên tức là chuyển y hai lý vô ngã. Vô ngã, vô nhân là không có sinh chấp, chỉ có pháp sinh diệt tức là hiểu rõ pháp vô ngã. Vì sao? Vì trong luận Bát-nhã của ngài Vô Trước giải thích rằng: “Nếu thuận theo pháp chấp thì có ngã chấp”. Vì thế nên nhờ hiểu rõ lý luận này mà đạt được chuyển y gọi là Niết-bàn, đây là thô trọng chuyển y.

Sáu là bởi vì hai chấp hoặc và trần là khách, có sinh diệt, đến đi; Chân như là chủ, vì thể thường trụ không có sinh diệt, đến đi. Nay Phật biết rõ tất cả chứng đắc chuyển y, tâm này chuyển y.

Bảy là nghi hoặc điên đảo sinh ra gọi là luống dối, nếu chẳng phải do điên đảo sinh ra thì gọi là thật, thật luôn không đảo loạn gọi là chân như, thể tánh chân như tức là Pháp thân của Như lai, cũng là tâm chuyển y, chỉ có chuyển thích là khác.

Tám là chân như Pháp thân tức là thực tế, lia điên đảo luống dối mà hiển bày, cho nên không còn hý luận, Phật chứng được bờ mé chân thật nên không còn hý luận, gọi là Niết-bàn, tức là đạo chuyển y.

Chín là vì Phật đã dứt hẳn luống dối, hý luận do đó đạt được vô sinh này. Vô sinh là thật, hạng phàm phu ngu dốt chưa dứt bỏ được sinh luống dối cho nên trôi nổi đắm chìm trong sinh tử, Như lai không còn như vậy gọi là Niết-bàn, tức là quảng đại chuyển.

Mười là Hữu vi không thật, theo duyên sinh ra, thật thể Pháp thân không từ duyên sinh ra, nên gọi là Niết-bàn. Quy về viên thành thật là nơi trở về nương tựa của tất cả các pháp.

**Văn kinh:** Lại nữa, này người thiện nam! Các vị Bồ-tát Ma-ha-tát phải biết như vậy. Lại có mười pháp có thể hiểu được lý thú chân thật mà Đức Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói là có rốt ráo đại Nhập Niết-bàn. Những gì là mười?

1. Như lai khéo biết bố thí và quả bố thí là không có ngã và ngã sở, thí và quả thí này không phân biệt, dứt hẳn nên gọi là Niết-bàn.

2. Như lai khéo biết giữ giới và quả giữ giới không có ngã và ngã sở, giới và quả giới này không phân biệt, dứt hẳn nên gọi là Niết-bàn.

3. Như lai khéo biết nhẫn nhục và quả nhẫn nhục không có ngã và ngã sở, nhẫn và quả nhẫn này không phân biệt, dứt hẳn nên gọi là Niết-bàn.

4. Như lai khéo biết tinh cần và quả tinh cần không có ngã và ngã sở, tinh cần và quả tinh cần này không phân biệt, dứt hẳn nên gọi là Niết-bàn.

5. Như lai khéo biết thiền định và quả thiền định không có ngã và ngã sở, định và quả định này không phân biệt, dứt hẳn nên gọi là Niết-bàn.

6. Như lai khéo biết trí tuệ và quả trí tuệ không có ngã và ngã sở, tuệ và quả tuệ này không phân biệt, dứt hẳn nên gọi là Niết-bàn.

7. Các Đức Phật Như lai khéo có thể biết rõ tất cả hữu tình và phi hữu tình, tất cả các pháp đều vô tánh, không phân biệt, dứt hẳn nên gọi là Niết-bàn.

8. Nếu người tự ái lại khởi lên tìm cầu, do tìm cầu nên phải chịu các khổ não, các Đức Phật Như lai dứt sạch tự ái, nên dứt hẳn truy cầu, không có truy cầu nên gọi là Niết-bàn.

9. Pháp hữu vi đều có số lượng, pháp vô vi có số lượng đều dứt bỏ, Phật là hữu vi, chứng pháp vô vi không số lượng nên gọi là Niết-bàn.

10. Như lai biết rõ thể tánh của hữu tình và pháp đều không, là không chẳng phải có, không tánh tức là chân Pháp thân nên gọi là Niết-bàn.

Này người thiện nam! Đó là mười pháp nói có Niết-bàn.

**Tán rằng:** “Lại nữa” lần thứ ba văn có bốn như trước. Dựa vào “nhân viên năng chứng” giải thích, tức là tu mười độ nhân đầy đủ sẽ chứng được đại Nhập Niết-bàn.

Đầu tiên sáu pháp đó tức là sáu độ trước, tu hành bố thí v.v... là

bảy điều tối thắng thâm nhiếp thành độ. Nay trong kinh này còn nêu ra phương tiện khéo léo một cách tối thắng, ba luân thanh tịnh hướng đến Niết-bàn thù thắng để hiển bày đối với các pháp khác; nếu tu không trọn vẹn không chứng được Niết-bàn, bởi vì bố thí tức là thấy có người thí, vật thí và quả sở thí, tức là thấy có quả là mong cầu báo ân và đặng lưu dị thực để lia sự trôi buộc.

Ngã chấp pháp chấp này gọi là bất chánh phân biệt. Thấy năng thí, sở thí gọi là ngã chấp, thấy có vật thí tức là ngã sở, những điều này dứt bỏ hẳn, lý được hiển bày, hoặc ngay nơi tướng sáu Độ Niết-bàn đều gọi là Niết-bàn, còn lại y cứ theo đây mà giải thích.

Thứ bảy do phương tiện cứu giúp biết các hữu tình và tất cả các pháp đều không thật cho nên ba luân đều thanh tịnh, cho nên không phân biệt không đắm nhiễm cứu giúp.

Thứ tám nếu thấy tự thân vì cầu Bồ-đề, là ái chưa mất khởi lên truy cầu tức là nhiễm nguyện, chưa quên tướng cho nên phải chịu các điều khổ não. Ba luân đã rỗng lặng không còn ái trước tự thân, không nhiễm truy cầu tức là chánh nguyện đầy đủ.

Thứ chín là nhờ năng lực suy nghĩ lựa chọn biết pháp hữu vi có số lượng của nó, vì có sinh diệt, hình đoan số lượng, pháp vô vi không như vậy, tức là xứng hợp với Như, không có năng sở nghĩ suy chọn lựa, nên nói là chứng pháp vô vi không còn số lượng.

Thứ mười là biết rõ hữu tình không, thành tựu hữu tình trí, biết rõ pháp không, thành tựu trí Phật pháp, tướng đều không còn nên đều là không, lia không chẳng phải có tánh không. Lý sở chứng này tức là Pháp thân, gọi là Niết-bàn.

**Văn kinh:** Lại nữa, này người thiện nam! Lẽ nào chỉ có Như lai không nhập Niết-bàn? Thật là hy hữu! Lại có mười pháp ít có, là hạnh Như lai. Những gì là mười?.

**Tán rằng:** Nói về tướng Niết-bàn, Đáp không có Niết-bàn. Văn cũng chia ra bốn phần:

1. Tiêu.
2. Trưng.
3. Trạch.
4. Kết.

Đầu tiên nêu “không nhập Niết-bàn” tiếp theo “lại có mười thứ” về sau là nêu ra lý do không nhập. Văn trưng dẫn có thể biết.

**Văn kinh:**

1. Sinh tử sai lầm, Niết-bàn vắng lặng, bởi vì đối với sinh tử cho



đến Niết-bàn chứng được bình đẳng nên không có nơi nào trôi lăn, không trụ vào Niết-bàn, đối với các loài hữu tình không sinh tâm chán ngán rời bỏ, đó là hạnh Như lai.

**Tán rằng:** Giải thích sau. Thứ nhất là hạnh không trụ hai bên, có ba phần:

1. Nói về chứng sinh tử, Niết-bàn bình đẳng.
2. Không có nơi trôi lăn trở xuống là nói về không trụ hai bên.
3. Đối với các hữu tình trở xuống là nói về không rời bỏ hữu tình.

Như hàng Nhị thừa thấy sinh tử là sai lầm, thấy Niết-bàn là vắng lặng, liền có tâm chán ngán rời bỏ, vào nơi Niết-bàn.

**Văn kinh:** Hai là Phật đối với chúng sinh không khởi lên niệm như vậy: Các phàm phu ngu muội này thực hành điên đảo, sự nhìn nhận bị trôi buộc, ép ngặt bởi các phiền não, nay Ta khai ngộ khiến cho được hiểu rõ.

**Tán rằng:** Hạnh luôn luôn cứu độ hữu tình. Trước tiên quán Không, sau đó quán Hữu, tức là hạnh từ Không phương tiện phát khởi mà Có.

Đây là mở đầu.

Giống như kinh Bát-nhã nên không có hữu tình nào được diệt độ.

**Văn kinh:** Căn lực từ thiện xưa kia đối với các hữu tình kia thuận theo căn tánh của họ, ý ưa thích sự hiểu biết thù thắng, không khởi phân biệt, nhậm vận tế độ, thị hiện giáo hóa, lợi ích vui mừng, tận mé vị lai không có cùng tận, đó là hạnh Như lai.

**Tán rằng:** Quán hữu. Bởi vì nguyện lực lợi tha xưa kia đã đầy đủ, như người biến hóa hiện bày bao nhiêu sự nghiệp, như ngọc châu như ý sinh ra biết bao vật loại, tùy theo căn hơn kém trí lực, tánh chủng chủng giới trí lực, ý lạc biến thú hành trí lực, hoặc ý lạc thắng giải, đều là thắng giải trí lực, mà không hề phân biệt, về thị hiện giáo hóa lợi ích vui mừng, như luận Hiển Dương quyển mười hai, Du-già quyển tám mươi một nói có năm loại:

1. Khiến cho ly dục, tức là trách mắng tất cả sai lầm của dục.
2. Thị tức là thị hiện bốn thứ đạo lý.
3. Giáo nghĩa là dạy dỗ chân thành khiến cho học hỏi.
4. Lợi tức là thấy lui sụt khuyến khích động viên lợi ích.
5. Hỷ tức là thấy tiến tới nên sinh ra vui mừng.

Tận mé vị lai v.v... là luôn luôn cứu độ.

**Văn kinh:** Ba là Phật không có ý niệm như vậy: Nay ta giảng nói mười hai phần giáo lợi ích hữu tình.

**Tán rằng:** Hạnh không thấy có sở thuyết. Đầu tiên là quán không.

**Văn kinh:** Căn lực từ thiện xưa kia đối với các hữu tình nói rộng cho đến tận mé vị lai không có cùng tận, đó là hạnh Như lai.

**Tán rằng:** Quán hữu. Giống như trống trời phát ra nhiều thứ âm thanh. Nói “nói rộng” cho đến lẽ ra phải nói rằng đối với với các hữu tình kia tùy theo căn tánh của họ, ý ưa thích sự hiểu biết thù thắng, không khởi phân biệt, nhậm vận tế độ, thị hiện giáo hóa lợi ích vui mừng, tận mé vị lai.

**Văn kinh:** Bốn là Phật không có ý niệm như vậy: Nay ta đến thành ấp, làng xóm kia, vào các nhà vua chúa và đại thần, Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Bệ-xá-tuất-đạt-la v.v... để khát thực.

**Tán rằng:** Hạnh không nghĩ đến khát thực. Đầu tiên là hạnh quán không.

**Văn kinh:** Thân, miệng, ý xưa kia thực hành theo thói quen, cho nên nhậm vận đến đó vì việc lợi ích nên thực hành khát thực, đó là hạnh Như lai.

**Tán rằng:** Quán hữu. Du-già quyển tám mươi sáu chép: Do mười nhân duyên mà Như lai đi khát thực:

1. Vì hiển bày nhiều công đức bị che lấp.
2. Vì muốn dẫn dắt một phần kia khiến cho họ đi khát thực.
3. Vì muốn dùng đồng sự hạnh để thâm nhiếp một phần kia.
4. Vì cùng chúng sinh đời vị lai làm bậc đại minh.
5. Vì muốn dẫn dắt sự hiểu biết thô tẻ kia của các ngoại đạo.
6. Vì kia nương theo tinh giáo mà khởi lên chê bai, nên hiện bày oai nghi diệu sắc vắng lặng, khiến cho đó kinh hãi than thở, tâm sinh hồi hướng.
7. Vì chúng sinh trong xứ kia, dùng ít công lao mà trồng nên nhiều phước đức.
8. Vì khiến cho hạng hoại tín buông lung sinh tâm hổ thẹn, tuy dụng công lao nhỏ bé mà gặt hái phước đức lớn lao v.v....
9. Vì chúng sinh đui điếc v.v... và các thứ tai họa kia đều khiến cho ngừng lại, tức là vào thành người thấy được lợi ích, như phẩm Uy Lực trong Du-già có nói.
10. Vì khiến cho vô lượng, vô biên uy đức rộng lớn của các hàng trời rồng, theo Như lai đến nhà mọi người, khiến họ sinh tâm ước ao kính mến thường xuyên thêm khách mà không bị phiền não.

**Văn kinh:** Năm là thân của Như lai không có đói khát cũng không

có tướng tiện lợi, yếu đuối mệt mỏi, tuy đi khát thực nhưng không hề ăn cũng không hề phân biệt.

**Tán rằng:** Hạnh không nghĩ đến cung cấp cho thân. Văn chia hai như trước. Đây là Không Hạnh.

**Văn kinh:** Nhưng vì nhậm vận làm lợi ích hữu tình nên thị hiện có tướng ăn, đó là hạnh Như lai.

**Tán rằng:** Quán về hữu. Theo luận Nhiếp Đại Thừa nói ăn có bốn thứ, ở đây thị hiện y chỉ trú thực.

**Văn kinh:** Sáu là Phật không có ý niệm như vậy: Các chúng sinh này có thượng trung hạ, tùy căn tánh đó mà nói pháp cho họ.

**Tán rằng:** Hạnh không nghĩ đến nói pháp. Trước đây không thấy có sở thuyết, ở đây không nghĩ đến sở độ. Văn chia hai như trước. Đây là quán Không.

**Văn kinh:** Nhưng Phật, Thế tôn không hề có sự phân biệt, tùy theo khí lượng đó khéo thích hợp cơ duyên nói pháp cho họ nghe, đó là hạnh Như lai.

**Tán rằng:** Quán về hữu.

**Văn kinh:** Bảy là Phật không có ý niệm như vậy: Loài hữu tình này không cung kính ta, thường đối với ta nói những lời mắng chửi, không thể cùng bàn bạc với kia, loài hữu tình kia cung kính đối với ta, thường khen ngợi đối với ta, ta nên nói pháp cho họ nghe.

**Tán rằng:** Hạnh không nghĩ đến thiện ác. Văn chia làm hai như trước. Đây là quán không.

**Văn kinh:** Nhưng Như lai khởi tâm từ bi bình đẳng không khác, đó là hạnh Như lai.

**Tán rằng:** Quán hữu. Đây là ba niệm xứ.

**Văn kinh:** Tám là các Đức Phật Như lai không có yêu ghét, kiêu mạn tham tiếc, và các phiền não. Như lai thường vui vắng lặng khen ngợi ít dục, lia các sự ồn ào náo, đó là Như lai hạnh. Tám là hạnh không nhiễm nhiều sự che lấp.

**Văn kinh:** Chín là Như lai không có một pháp nào không biết, không khéo thấu suốt, đối với tất cả nơi chốn hoàn cảnh trí hiện tiền không có phân biệt. Nhưng mà Như lai thấy sự nghiệp mà hữu tình kia làm ra, tùy theo ý họ mà chuyển thành phương tiện, dẫn dắt khiến cho được thoát ra, đó là hạnh Như lai. Chín là hạnh nhậm vận làm lợi ích. Không một pháp nào không biết là trí sở duyên, không một pháp nào không thấu suốt là trí sở liễu cảnh; nhậm vận thường thông suốt nhưng tùy ý chuyển đổi, căn tánh ý thích thành thực có trước sau, phương tiện

dẫn dụ giúp cho ra khỏi sinh tử.

**Văn kinh:** Mười là Như lai nếu thấy một phần hữu tình gặp lúc thịnh vượng không sinh vui mừng, thấy họ sa sút không khởi buồn thương; nhưng Như lai thấy hữu tình kia tu tập chánh hạnh không chướng ngại đại từ tự nhiên cứu giúp, hoặc thấy họ tu tập tà hạnh không chướng ngại đại bi tự nhiên cứu giúp, đó là hạnh Như lai. Mười là hạnh ban vui cứu khổ. Văn trích dẫn đều có chia làm hai, y theo trước có thể biết.

**Văn kinh:** Nay người thiện nam! Nên biết rằng Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói có vô biên chánh hạnh như vậy, các vị nên biết đó là tướng chân thật của Niết-bàn.

**Tán rằng:** Tổng kết.

**Văn kinh:** Hoặc thấy có người nhập Niết-bàn đó là phương tiện tạm thời và để lại xá-lợi.

**Tán rằng:** Đây là giải thích thắc mắc về thị hiện diệt độ để lại xá-lợi. Đầu tiên lại thị hiện diệt độ và để lại xá-lợi, sau đó giải thích lý do.

Đây là mở đầu.

Không nói: “Hoặc lúc Phật thị hiện Niết-bàn và để lại xá-lợi” mà nói thấy là muốn hiển bày Phật thường trụ, thật không hề có xá-lợi, chỉ vì tâm chúng sinh chiêu cảm mà hiện. Như người từ nơi xa đến hỏi han chỉ đứng gần đài cao liếc nhìn hình bóng dung mạo mà mình kính trọng, cười quyết chu (thuyền tốt như tuấn mã) mà trở về Đông, nhìn ao hồ lặng động chảy về Tây.

**Văn kinh:** Khiến cho các hữu tình cung kính cúng dường đều là căn lực từ thiện của Như lai.

**Tán rằng:** Giải thích lý do. Đầu tiên là việc làm, sau là được lợi ích.

Đây là mở đầu.

**Văn kinh:** Nếu người cúng dường ở đời vị lai xa lìa tám nạn, được gặp các Đức Phật, gặp được Thiện tri thức, không mất tâm lành thì phước báo vô biên, mau thoát khỏi không bị sự ràng buộc của sinh tử.

**Tán rằng:** Được lợi ích. Đạt được lợi ích có bảy thứ:

1. Xa lìa tám nạn.
2. Gặp dịp kính thờ các Đức Phật.
3. Gặp được Thiện tri thức.
4. Không mất tâm lành.
5. Gặt hái phước báo ở đời.
6. Chứng đến Niết-bàn.

7. Đạt được giải thoát.

**Văn kinh:** Diệu hạnh như vậy, các vị nên siêng năng tu tập đừng buông lung.

**Tán rằng:** Kết thúc khuyến khích tu học.

**Văn kinh:** Bấy giờ, Bồ-tát Diệu Tràng nghe Đức Phật tự nói về việc không nhập Niết-bàn và hạnh sâu xa liền chấp tay cung kính bạch rằng: Nay con mới biết Như lai Đại sư không nhập Niết-bàn và để lại xá-lợi hầu làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, thân tâm phấn khởi vui sướng khen ngợi chưa từng có.

**Tán rằng:** Đoạn thứ ba lãnh ngộ được lợi ích. Đầu tiên là lãnh ngộ.

**Văn kinh:** Lúc Phật nói phẩm Như lai Tuổi thọ này xong có vô lượng vô số vô biên chúng sinh đều phát tâm Vô đẳng đẳng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

**Tán rằng:** Được lợi ích.

**Văn kinh:** Lúc đó, bốn Đức Như lai bỗng nhiên biến mất, Bồ-tát Diệu Tràng lễ dưới chân Phật xong, đứng dậy khỏi chỗ ngồi trở về thất của mình.

**Tán rằng:** Đoạn lớn thứ tư trong phẩm- nghe xong tan hội. Chỉ nói bốn Đức Phật biến mất, Diệu Tràng trở về thất, không bàn đến chúng hội còn lại, là có hai cách giải thích:

1. Nêu ra vị thượng thủ đó ảnh hiện nơi số còn lại, hai bản dịch cũ nói là trong đại hội chỉ có Phật Thích-ca.

2. Chỉ có bốn Đức Như lai và Diệu Tràng trở về, những người khác hãy còn ở lại. Vì sao? Vì nói chưa hết cho nên ở dưới nói ba thân không còn tập hợp chúng. Sao lại nói Hư Không Tạng ở trong đại chúng đứng dậy khỏi chỗ ngồi.

Hỏi: Vì sao chỉ một mình Bồ-tát Diệu Tràng trở về, trong lúc nói chưa xong?

Đáp: Bởi vì muốn phát khởi hạnh sám hối, nếu không trở về nhà ngủ nghỉ thì làm sao mộng thấy trống.

Hỏi: Sao không trực tiếp thỉnh cầu mà lại hầu hạ trong mộng vậy?

Đáp: Bởi vì khó thực hành cho nên mộng là cho biết trước, lại cơ duyên là như vậy.

